

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày tháng năm 2021 của Sở GDĐT)

TRƯỜNG: THCS PHAN BÁ PHIÊN
TỔ: TOÁN - TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN TOÁN, LỚP 6

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 4 lớp ; **Số học sinh:** 164

; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6 ; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học: 6 ; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 6 ; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính được cài phần mềm GeoGebra Classic 5 đầy đủ; Máy in (nếu có).	20	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Giấy A0, một điện thoại thông minh có tải phần mềm Plickers	1	Tính toán với số thập phân	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3	Đồng xu, máy tính có kết nối Internet và máy chiếu để giới thiệu về trang web của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia và một số trang web khác có thể thu thập số liệu như trang web của tổng cục Thống kê.	1	Dữ liệu và thu thập dữ liệu	
4	Con xúc xắc, túi hoặc hộp đựng, một số quả bóng (viên bi, thẻ,...) với màu sắc khác nhau, một số tấm thẻ (miếng bìa) có thể ghi số lên đó	10	Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường		1 lớp học 40 em	
2				
...				

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình

HỌC KÌ I

Từ tuần 1 đến tuần 18 (18 tuần thực học)

Số học và Đại số: Gồm 47 tiết -Tuần 1 đến tuần 8 dạy 3 tiết/tuần = 24 tiết -Tuần 10, 11, 12, 13, 17 dạy 3 tiết/tuần = 15 tiết -Tuần 9, 15, 16 dạy 2 tiết/ tuần = 6 tiết	Hình học: Gồm 25 tiết -Tuần 1 đến tuần 8 dạy 1 tiết/tuần = 8 tiết -Tuần 10, 11, 12, 13, 17 dạy 1 tiết/tuần = 5 tiết -Tuần 9, 15, 16 dạy 2 tiết/ tuần = 6 tiết
--	--

-Tuần 14, 18 dạy 1 tiết/ tuần = 2tiết

-Tuần 14, 18 dạy 3 tiết/ tuần = 6 tiết

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
HỌC KỲ I					
1	Số học	1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên <i>Bài 1. Tập hợp</i>	- Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó. - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp). - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp.	
	Số học	2	<i>Bài 2. Cách ghi số tự nhiên</i>	- Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân. - Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó. - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.	
	Số học	3	<i>Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	- Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. - So sánh hai số tự nhiên.	
	Hình	1	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn <i>Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)</i>	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều - Vẽ hình tam giác đều bằng dụng cụ học tập.	
2	Số học	4	<i>Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên</i>	- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên. - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.	
	Số học	5	<i>Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên (Tiết 1)</i>	- Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên. - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư).	
	Số học	6	<i>Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự</i>	- Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
			nhiên (Tiết 2)	trong tính toán (tính nhẩm, tính hợp lý). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.	
	Hình	2	<i>Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)</i>	- Nhận dạng các hình vuông - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình vuông. - Vẽ hình vuông bằng dụng cụ học tập.	Ứng dụng các bước vẽ hình để được sản phẩm STEM vẽ và trang trí hình vuông, trang trí đường diềm...
3	Số học	7	Luyện tập chung	- củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.	
	Số học	8	<i>Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên (Tiết 1)</i>	- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Nhân hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	
	Số học	9	<i>Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên (Tiết 2)</i>	- Chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	
	Hình	3	<i>Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 3)</i>	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình lục giác đều. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.	
4	Số học	10	<i>Bài 7. Thứ tự thực hiện các phép tính</i>	- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính giá trị của một biểu thức.	
	Số học	11	Luyện tập chung	- củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học.	
	Số học	12	Ôn tập chương I	- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.	
	Hình	4	<i>Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 1)</i>	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật - Vẽ hình chữ nhật bằng các dụng cụ học tập.	
5	Số học	13	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên <i>Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất (Tiết 1)</i>	- Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.	
	Số học	14	<i>Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất (Tiết 2)</i>	- Tìm các bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.	
	Số học	15	<i>Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 1)</i>	Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.	
	Hình	5	<i>Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 2)</i>	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) hình thoi, hình bình hành - Vẽ hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.	
6	Số học	16	<i>Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 2)</i>	Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.	
	Số học	17	<i>Bài 10. Số nguyên tố (Tiết 1)</i>	Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số.	
	Số học	18	<i>Bài 10. Số nguyên tố (Tiết 2)</i>	Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
	Hình	6	<i>Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 3)</i>	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) hình thang cân. - Vẽ hình thang cân bằng các dụng cụ học tập.	
7	Số học	19	Luyện tập chung	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Tìm các ước và bội. - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3. - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột	
	Số học	20	<i>Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất (Tiết 1)</i>	- Xác định ước chung của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho.	
	Số học	21	<i>Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất (Tiết 2)</i>	- Xác định ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.	
	Hình	7	<i>Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 1)</i>	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.	
8	Số học	22	<i>Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 1)</i>	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên.	
	Số học	23	<i>Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 2)</i>	- Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.	
	Số học	24	Luyện tập chung	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn.	
	Hình	8	<i>Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 2)</i>	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.	
	Số học	25	Ôn tập chương II	- Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
9				tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và UCLN, bội chung và BCNN. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.	
	Hình	9	<i>Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 3)</i>	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.	
	Hình	10	Kiểm tra giữa HK1	Củng cố kiến đã học Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Số học	26	Kiểm tra giữa HK1	- Củng cố kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
10	Số học	27	Chương III. Số nguyên <i>Bài 13. Tập hợp các số nguyên (Tiết 1)</i>	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế.	
	Số học	28	<i>Bài 13. Tập hợp các số nguyên (Tiết 2)</i>	- Biểu diễn số nguyên trên trục số. - So sánh hai số nguyên.	
	Số học	29	<i>Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên</i>	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
			(Tiết 1)	nhằm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.	
	Hình	11	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.	
11	Số học	30	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 2)	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhằm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.	
	Số học	31	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 3)	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhằm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.	
	Số học	32	Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhằm hay tính hợp lí.	
	Hình	12	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.	
12	Số học	33	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				bài từ 13 đến 15	
	Số học	34	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Cùng cố kiến thức, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.	
	Số học	35	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 1)	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.	
	Hình	13	Ôn tập chương IV	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kỹ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế.	
13	Số học	36	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 2)	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.	
	Số học	37	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên. - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên. - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.	
	Số học	38	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kỹ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).	
	Hình	14	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 1)	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản	
14	Số học	39	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kỹ năng	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).	
	Hình	15	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản	
	Hình TH-TN	16	Tấm thiệp và phòng học của em (Tiết 1)	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...	Vận dụng các kiến thức về các hình phẳng, các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học để tạo ra sản phẩm STEM như trang trí một tấm thiệp tặng cho người thân, bạn bè hoặc một người mà các em yêu quý, hoặc làm vật trang trí cho ngôi nhà, hay phòng học hoặc đơn giản là bàn học của mình...
	Hình TH-TN	17	Tấm thiệp và phòng học của em (Tiết 2)	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...	Vận dụng các kiến thức về các hình phẳng, các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học để tạo ra sản phẩm STEM như trang trí một tấm thiệp tặng cho người thân, bạn bè hoặc một người mà các em yêu quý, hoặc làm vật trang trí cho ngôi nhà, hay phòng học hoặc đơn giản là bàn học của mình...
15	Số học	40	Ôn tập chương III	- củng cố kiến thức toàn toàn chương 3. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.	
	TH-TN	41	Sử dụng máy tính cầm tay	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.	
	Hình	18	Bài 22. Hình có tâm đối xứng (Tiết 1)	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.	
	Hình	19	Bài 22. Hình có tâm đối xứng (Tiết 2)	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.	
16	Số học	42	Chương VI. Phân số Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (Tiết 1)	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số.	
	Số học	43	Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (Tiết 2)	.- Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.	
	Hình	20	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.	
	Hình	21	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phân cho trước.	
17	Hình	22	Ôn tập chương V	- Cùng cố lại kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				các bài toán cụ thể. - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh	
	Số học	44	Ôn tập cuối HKI (Tiết 1)	- Tổng hợp, kết nối kiến thức của các bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương. - Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.	
	Số học	45	Ôn tập cuối HKI (Tiết 2)	- Tổng hợp, kết nối kiến thức của các bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương. - Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.	
	Số học	46	Ôn tập cuối HKI (Tiết 3)	- Tổng hợp, kết nối kiến thức của các bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương. - Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.	
18	Hình	23	Kiểm tra cuối HK1	- Củng cố kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Số học	47	Kiểm tra cuối HK1	Củng cố kiến đã học Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Hình TH-TN	24	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA (Tiết 1)	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.	
	Hình TH-TN	25	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA (Tiết 2)	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.	
HỌC KỲ II					
Số học và Đại số: Gồm 47 tiết -Tuần 19 đến tuần 26 dạy 3 tiết/tuần = 24 tiết -Tuần 27 dạy 1 tiết/ tuần = 1 tiết -Tuần 28 đến tuần 33 dạy 3 tiết/tuần = 18 tiết -Tuần 24, 25 dạy 2 tiết/tuần = 4 tiết				Hình học: Gồm 21 tiết -Tuần 19 đến tuần 26 dạy 1 tiết/tuần = 8 tiết -Tuần 27 dạy 3 tiết/ tuần = 3 tiết -Tuần 28 đến tuần 33 dạy 1 tiết/tuần = 6 tiết -Tuần 24, 25 dạy 2 tiết/tuần = 4 tiết	
19	Số học	48	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương (Tiết 1)	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.	
	Số học	49	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương (Tiết 2)	- Nhận biết được hỗn số dương. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.	
	Số học	50	Luyện tập chung (Tiết 1)	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				- Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số	
	Hình	26	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt	Ứng dụng điểm và đường thẳng tạo ra sản phẩm STEM thời trang như những bộ quần, áo, váy, chân váy... bằng các vật liệu thông thường vải, giấy, báo túi ni lông....
20	Số học	51	Luyện tập chung (Tiết 2)	củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.	
	Số học	52	Luyện tập chung (Tiết 3)	củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.	
	Số học	53	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 1)	- Nhận biết được quy tắc cộng phân số. - Nhận biết số đối của một phân số - Thực hiện được phép cộng phân số.	
	Hình	27	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)	- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng. - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.	Ứng dụng điểm và đường thẳng tạo ra sản phẩm STEM thời trang như những bộ quần, áo, váy, chân váy... bằng các vật liệu thông thường vải, giấy, báo túi ni lông....
21	Số học	54	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 2)	- Nhận biết được quy tắc trừ phân số. - Thực hiện được phép trừ phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				- Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.	
	Số học	55	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số (Tiết 1)	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số.	
	Số học	56	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số (Tiết 2)	.- Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.	
	Hình	28	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)	- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan	
22	Số học	57	Bài 27. Hai bài toán về phân số	- Tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số.	
	Số học	58	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số.	
	Số học	59	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.	
	Hình	29	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 1)	Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.	
23	Số học	60	Ôn tập chương VI	- Ôn tập kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				làm các bài tập tổng hợp cuối chương.	
	Số học	61	Chương VII. Số thập phân <i>Bài 28. Số thập phân</i>	- Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh hai số thập phân. - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.	
	Số học	62	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 1)</i>	- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân. - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.	
	Hình	30	<i>Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 2)</i>	- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. - Giải các bài toán thực tế có liên quan.	
24	Số học	63	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 2)</i>	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân. - Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân.	
	Số học	64	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 3)</i>	- Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.	
	Số học	65	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 4)</i>	- Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.	
	Hình	31	<i>Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)</i>	- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng	
25	Số học	66	<i>Bài 30. Làm tròn và ước lượng</i>	- Làm tròn số thập phân. - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.	
	Số học	67	<i>Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i>	- Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng..	Ứng dụng về tỉ số phần trăm để tạo sản phẩm STEM “ ly nước biết hát”

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
			(Tiết 1)		
	Số học	68	<i>Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm (Tiết 2)</i>	- Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.	Ứng dụng về tỉ số phần trăm để tạo sản phẩm STEM “ ly nước biết hát”
	Hình	32	<i>Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)</i>	- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài. - Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.	
26	Hình	33	Kiểm tra giữa HK2	- Củng cố kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Số học	69	Kiểm tra giữa HK2	Nhắc lại kiến đã học Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Số học	70	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 3.	
	Số học	71	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.	
27	Hình	34	<i>Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	- Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.	Từ kiến thức về trung điểm của đoạn thẳng ứng dụng để làm sản phẩm STEM đơn giản là đồ chơi cầu bập bênh

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
	Hình	35	Luyện tập chung (Tiết 1)	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.	
	Số học	72	Ôn tập chương VII	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.	
	Hình	36	Luyện tập chung (Tiết 2)	- Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.	
28	Số học TK-XS	73	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm <i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu (Tiết 1)</i>	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.	
	Số học TK-XS	74	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm <i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu (Tiết 2)</i>	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
	Số học TK-XS	75	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.	
	Hình	37	Bài 36. Góc (Tiết 1)	- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc. - Nhận biết góc bẹt.	
29	Số học TK-XS	76	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)	- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh. - Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.	
	Số học TK-XS	77	Bài 40. Biểu đồ cột (Tiết 1)	- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước. - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.	
	Số học TK-XS	78	Bài 40. Biểu đồ cột (Tiết 2)	- Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.	
	Hình	38	Bài 36. Góc (Tiết 2)	- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.	
30	Số học TK-XS	79	Bài 41. Biểu đồ cột kép (Tiết 1)	- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép	
	Số học TK-XS	80	Bài 41. Biểu đồ cột kép (Tiết 2)	- Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.	
	Số học TK-XS	81	Luyện tập chung (Tiết 1)	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.	
	Hình	39	Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)	- Nhận biết được khái niệm số đo góc. - Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước. - So sánh hai góc.	
31	Số học TK-XS	82	Luyện tập chung (Tiết 2)	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.	
	Số học TK-XS	83	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm (Tiết 1)	- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm. - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản.	
	Số học TK-XS	84	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm (Tiết 2)	- Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.	
	Hình	40	Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)	Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.	
32	Số học TK-XS	85	Bài 43. Xác suất thực nghiệm	Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.	
	Số học TK-XS	86	Luyện tập chung	HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.	
	Số học TK-XS	87	Ôn tập chương IX (Tiết 1)	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.	
	Hình	41	Luyện tập chung	Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.	
33	Số học TK-XS	88	Ôn tập chương IX (Tiết 2)	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.	
	Số học TH-TN	89	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	- Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính. - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống.	Xây dựng được kế hoạch chi tiêu của gia đình
	Số học	90	Hoạt động thể thao nào được em yêu	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
	TH-TN		thích nhất trong hè (Tiết 1)	thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.	
	Hình	42	Ôn tập chương VIII	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.	
34	Số học TH-TN	91	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè (Tiết 2)	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.	
	TH-TN	43	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA (Tiết 1)	- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGebra.	
	TH-TN	44	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA (Tiết 2)	- Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGebra.	
	Số học	92	Ôn tập cuối HK2 (Tiết 1)	- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả học kì 2 - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.	
35	Số học	93	Ôn tập cuối HK2 (Tiết 2)	- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.	
	Hình	45	Ôn tập cuối HK2	- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương.	

Tuần	Phân môn	Tiết	Tên/ chủ đề bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học , Nội dung điều chỉnh và lưu ý thực hiện
				- Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.	
	Hình	46	Kiểm tra cuối HK2	- Củng cố kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
	Số học	94	Kiểm tra cuối HK2	Nhắc lại kiến đã học Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 10	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 9 kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết

Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học trong học kì 1 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Giữa học kỳ 2	90 Phút	Tuần 26	- Nhắc lại kiến đã học đến tuần 25 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	- Nhắc lại kiến đã học từ đầu năm học đến giờ - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN: TOÁN , KHỐI LỚP: 7.

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp:4 lớp ; **Số học sinh:** 130 em ; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có):.....

1.2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 6 ; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 , Đại học: 6 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ²: Tốt: 6 ; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Thước đo góc	8	-Tia phân giác của một góc	
2	Thước eke	8	-Đường thẳng song song	
3	Mô hình hình hộp chữ nhật	8	Hình hộp chữ nhật	
4	Mô hình hình lập phương		Hình lập phương	
5	Mô hình hình lăng trụ tam giác, tứ giác	8	Hình lăng trụ	
6	Máy tính CASIO	8	-TH-TN: Sử dụng máy tính Caiso để tính toán với số hữu tỉ	
4	Phòng máy	1	-TH-TN: Sử dụng phần mềm Geogebra để vẽ hình về các đường đặc biệt trong tam giác	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường		1 lớp học 40 em	
2	Phòng máy		1 lớp học 40 em	
...				

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình

² Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN: TOÁN - LỚP 7

Năm học 2023-2024

Cả năm: 140 tiết	Số và Đại số	Thống kê và xác suất	Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ	Hình học và đo lường	Thực hành và trải nghiệm	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ
Học kỳ I : 18 tuần : 72 tiết	24 tiết	11 tiết	3 tiết	25 tiết	5 tiết	4 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm và lưu ý thực hiện
1	1 (Đại số)	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. - So sánh hai số hữu tỉ.	-Lớp học
	2 (Đại số)	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ		
	1 (Hình học)	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	-Lớp học
	2(Hình học)	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc		
2	3(Đại số)	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số	- Thực hiện các phép tính cộng,	

		hữu tỉ	trừ, nhân, chia trong Q.	-Lớp học
	4(Đại số)	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	- Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.	
	3(Hình học)	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	- Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng.	-Lớp học
	4(Hình học)	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	- Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong -	
3	5(Đại số)	Luyện tập chung	-Củng cố và rèn luyện các kỹ năng:	-Lớp học
	6(Đại số)	Luyện tập chung	Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý.	
	5(Hình học)	Luyện tập chung	- Củng cố và rèn luyện các kỹ năng:	-Lớp học
	6(Hình học)	Luyện tập chung	- Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị. - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết	
4	7(Đại số)	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t1)	-Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.	-Lớp học
	8(Đại số)	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t2)	- Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,	
	7(Hình học)	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất	- Nhận biết tiên đề Euclid về	

		hai đường thẳng song song(t1)	đường thẳng song song.	-Lớp học
	8(Hình học)	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song(t2)	- Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song - Biết cách vẽ hai đường thẳng song song	
5	9(Đại số)	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t3)	- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.	-Lớp học
	10 (Đại số)	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính (t1)	- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.	-Lớp học
	9(Hình học)	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu. - Làm quen với chứng minh định lý	-Lớp học
	10(Hình học)	Luyện tập chung	- củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí.	-Lớp học
6	11(Đại số)	Bài 4. Thứ tự thực hiện phép tính- Quy tắc chuyển vế (t2)	- Mô tả được quy tắc chuyển vế. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).	-Lớp học
	12 (Đại số)	Luyện tập chung	- củng cố các kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính và các	-Lớp học

			phép toán trên tập hợp số hữu tỉ.	
	11(Hình học)	Ôn tập cuối chương 3		-Lớp học
	12(Hình học)	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	-Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ	-Lớp học
7	13(Đại số)	Luyện tập chung	- Cùng cố các kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ	-Lớp học
	14(Đại số)	Bài tập cuối chương 1	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	13(Hình học)	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất(t1)	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh	-Lớp học
	14(Hình học)	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất(t2)		
8	15 (Đại số)	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn(t1)	-Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước	-Lớp học
	16 (Đại số)	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn(t2)		
	15(Hình học)	Luyện tập chung	- Cùng cố các kiến thức về tìm số đo góc, các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn	-Lớp học

			đề thực tiễn.	
	16(Hình học)	Ôn tập giữa kỳ 1	-Ôn tập về số hữu tỉ, quy tắc các phép toán trong Q, ôn tập về lũy thừa, ôn tập số thập phân vô hạn tuần hoàn -Ôn tập các kiến thức về góc, tổng ba góc của tam giác -Ôn tập về đường thẳng song song, tiên đềƠ-clit, chứng minh định lý - Rèn luyện kỹ năng thực hiện các phép tính trong Q, tính nhanh, tính hợp lý, tìm x, so sánh hai số hữu tỉ - Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản	-Lớp học
9	17(Đại số)	Kiểm tra giữa kỳ 1	Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học	- Phòng thi
	18(Đại số)	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng)	

			căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	
	17(Hình học)	Kiểm tra giữa kỳ 1	Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.	
	18(Hình học)	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác(t1)	- Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản	-Lớp học
	18(Hình học)	Luyện tập chung	-Củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
10	19(Đại số)	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học(t2)	- Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	
	20(Đại số)	Bài 7. Tập hợp các số thực	-Nhận biết số thực,	

			Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực	
	19(Hình học)	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác(t2)	- Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản	
	20(Hình học)	Luyện tập chung	- - củng cố các kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Phòng thi
11	21(Đại số)	Bài 7. Tập hợp các số thực(t2)	-Nhận biết số thực, Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.	Tuần 11 dạy 4 tiết đại số
	22(Đại số)	Bài 7. Tập hợp các số thực(t3)		
	23(Đại số)	Luyện tập chung(t1)	- củng cố các kiến thức về số thực và các phép toán trên tập hợp số thực.	-Lớp học
	24(Đại số)	Luyện tập chung(t2)		
25(Đại				

số)	25(Đại số)	Bài tập cuối chương II	-Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	26(xstk)	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu(t1)		
	21(Hình học)	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	-Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	-Lớp học
	22(Hình học)	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông		
13	27(Thống kê)	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu(t2)	-Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.	-Lớp học
	28(Thống kê)	Bài 18 Biểu đồ hình quạt tròn(t1)		
	23(Hình học)	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng	-Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.	-Lớp học
	24(Hình học)	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng		
14	29(Thống kê)	Bài 18 Biểu đồ hình quạt tròn(t2)	- Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn	-Lớp học
	30 (Thống kê)	Bài 18 Biểu đồ hình quạt tròn(t3)		
	31(Thống kê)	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng(t1)		

	25(Hình học)	Luyện tập chung(t1)	Củng cố các kiến thức về tìm tam giác cân, đường trung trực của đoạn thẳng + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
15	32(Thống kê)	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng(t2)	- Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan	-Lớp học
	33(Thống kê)	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng(t3)		
	34(Thống kê)	Luyện tập chung(t1)		
	26(Hình học)	Luyện tập chung(t2)	- Củng cố các kiến thức về tìm tam giác cân, đường trung trực của đoạn thẳng + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để chứng minh tam giác cân, để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
16	35(Thống kê)	Luyện tập chung (t2)	-.	-Lớp học
	36(Thống kê)	Bài tập cuối chương V	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	-Lớp học
	27(Hình học)	Bài tập cuối chương IV		-Lớp học
	28(Hình học)	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra		-Lớp học
17	38(Đại số)	Ôn tập cuối kỳ 1	- Ôn tập các kiến thức về số hữu tỉ,	-Lớp học

18			số vô tỉ, số thực, -Ôn tập về xác suất , thu thập , phân loại dữ liệu -Ôn tập về các loại biểu đồ	
	29(Hình học)	Ôn tập cuối kỳ 1	- Ôn luyện một cách có hệ thống kiến thức lí thuyết của học kỳ I về khái niệm, tính chất 2 góc đối đỉnh, 2 đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, tổng 3 góc của một tam giác, các trường hợp bằng nhau của tam giác: cạnh - cạnh - cạnh, cạnh - góc - cạnh	-Lớp học
	39(Đại số)	Kiểm tra cuối kỳ 1	Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.	-Phòng thi
	30(Hình học)	Kiểm tra cuối kỳ 1		-Phòng thi
18	31(Thực hành và trải nghiệm)	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra	-. Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như: hai đường thẳng song song, tia phân giác của một góc, đường trung trực của một đoạn thẳng, vẽ tam giác khi biết các yếu tố về cạnh và góc	-Phòng máy
	40 (Thực hành và trải nghiệm)	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam (t1)	Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam	-Lớp học

	41(Thực hành và trải nghiệm)	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam(t2)	-	
	42 (Thực hành và trải nghiệm)	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam(t3)		

HỌC KỲ II

Từ tuần 19 đến tuần 35 (17 tuần thực học)

Cả năm: 140 tiết	Số và Đại số	Thống kê và xác suất	Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ	Hình học và đo lường	Thực hành và trải nghiệm	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ
Học kỳ II : 17 tuần : 68 tiết	28 tiết	6 tiết	3 tiết	22 tiết	5 tiết	4 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Thiết bị dạy học	Địa điểm và hướng dẫn thực hiện
19	42 (Đại số)	Tỉ lệ thức	- Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức	-Lớp học
	43(Đại số)	Tỉ lệ thức	Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán	
	32 (Hình học)	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác(t1).	-Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.	-Lớp học
	33(Hình học)	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác(t2).		

20	44(Đại số)	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	- Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán	-Lớp học
	45(Đại số)	Luyện tập chung	- Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức + Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan.	-Lớp học
	34(Hình học)	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	- Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	-Lớp học
	35(Hình học)	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	- Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác	
21	46(Đại số)	Luyện tập chung	- Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức - Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan.	-Lớp học
	47(Đại số)	Đại lượng tỉ lệ thuận	-Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận	-Lớp học
	36(Hình học)	Luyện tập chung	- Củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác	-Lớp học
	37(Hình học)	Luyện tập chung(t2)	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
22	48(Đại số)	Đại lượng tỉ lệ thuận(t2)	-Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận	-Lớp học
	49(Đại số)	Đại lượng tỉ lệ nghịch(t1)	-Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch	
	38(Hình học)	Bài 34 :Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác	-Nhận biết đường trung tuyến của tam giác.	- Tiết 1 dạy sự đồng quy của ba đường trung

		trong một tam giác.(t1)	-Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác	tuyến trong tam giác
	39(Hình học)	Bài 34 : Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác trong một tam giác(t2)	-Nhận biết đường phân giác của tam giác. -Nhận biết sự đồng quy của 3 đường phân giác trong một tam giác	-Tiết 2 dạy sự đồng quy ba đường phân giác trong tam giác
23	50(Đại số)	Đại lượng tỉ lệ nghịch(t2)	- Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch	-Lớp học
	51(Đại số)	Luyện tập chung(t1)	- Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.	-Lớp học
	40(hình học)	Bài 35 :Sự đồng quy của ba trung trực, ba đường cao trong một tam giác.(t1)	- Nhận biết đường trung trực của tam giác. -Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực trong một tam giác.	Tiết 1 dạy về sự đồng quy của ba đường trung trực của tam giác
	41(Hình học)	Bài 35 :Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao trong 1 tam giác (t2)	- Nhận biết đường cao của tam giác. - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường cao trong một tam giác.	Tiết 2 dạy về sự đồng quy của ba đường cao của tam giác
24	52(Đại số)	Luyện tập chung(t2)	- Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.	-Lớp học
	53(Đại số)	Bài tập cuối chương VI	- Chỉ ra được hệ số tỉ lệ khi biết công thức. - Vận dụng tính chất để lập được tỉ lệ thức - Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận, nghịch.	-Lớp học
	42(Hình học)	Luyện tập chung	- Rèn luyện kiến thức về sự đồng	-Lớp học

	43(Hình học)	Luyện tập chung	quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.	-Lớp học
25	54(Đại số)	Biểu thức đại số	- Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số	-Lớp học
	55(Đại số)	Bài 25. Đa thức một biến (t1).	- Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.	-Tuần 25 dạy 3 tiết đại số, 1 tiết hình học
	44(Hình học)	Ôn tập cuối chương IX.	- Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan	-Lớp học
	45(hình học)	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t1)	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương	
26	56(Đại số)	- Bài 25. Đa thức 1 biến (t2).	- Tính giá trị của đa thức khi biết giá	-

	57(Đại số)	Bài 25. Đa thức 1 biến (t3).	trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức	Lớp học
	46(Hình học)	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t2)	- Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.	
	47(Hình học)	Ôn tập giữa kỳ 2	- Ôn tập các kiến thức về tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau -Ôn tập về tỉ lệ thuận , tỉ lệ nghịch -Ôn tập về biểu thức đại số, đa thức một biến, cộng trừ đa thức một biến, nhân chia đa thức một biến - Ôn tập về quan hệ giữa các yếu tố góc, cạnh -Ôn tập về các đường đồng quy trong tam giác	-Lớp học
27	58(Đại số)	Kiểm tra giữa kỳ 2	- Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học	-Phòng thi
	48(Hình học)	Kiểm tra giữa kỳ 2	- Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.	

	59(Đại số)	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến(t1)	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán	-Lớp học
	59(Đại số)			
	49(Hình học)	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t3)	- Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương	-Lớp học
28	60(Đại số)	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến (t2)	. - Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán	-Lớp học
	61(Đại số)	Luyện tập chung(t1)	- Vận dụng tính giá trị của biểu thức - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán	-Lớp học
	50(hình học)	Luyện tập	- Củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	-Lớp học
	51(Hình học)	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t1)	Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Tính diện tích xung quanh, thể tích	-Lớp học

			hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	
29	62(Đại số)	Luyện tập chung(t2)	- Thực hiện phép nhân hai đa thức cùng biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	-Lớp học
	63(Đại số)	Phép nhân đa thức một biến(t1)		
	52(Hình học)	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t2)	- Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. - Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. - Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	-Lớp học
	53(Hình học)	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t3)		
30	64(Đại số)	Phép nhân đa thức một biến(t2)	-Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến. + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. -	-Lớp học
	65(Đại số)	Phép chia đa thức một biến(t1)		-Lớp học
	66(Đại số)	Phép chia đa thức một biến(t2)		
	54(Hình học)	Luyện tập	- Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. - Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	-Lớp học

31	67(Đại số)	Phép chia đa thức một biến(t3)	- Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến. - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	-Lớp học
	68(Đại số)	Luyện tập chung(t1)	Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	-Lớp học
	69(Đại số)	Luyện tập chung(t2)		
	55(hình học)	Bài tập cuối chương X	-Bảng phụ -Máy tính CASIO, máy tính xách tay -Thước đo góc, êke	-Lớp học
			-	-Lớp học
32	70(Đại số)	Bài tập cuối chương VII	- Vận dụng tính giá trị của biểu thức - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến -Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán	
	71(Xác suất thống kê)	Làm quen với biến cố (t1)	-Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản	
	72(Xác suất thống kê)	Làm quen với biến cố.(t2)	-Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản	- -Lớp học

	73(Xác suất thống kê)	Làm quen với xác suất của biến cố.(t1)		-Lớp học
33	74(Đại số)	Làm quen với xác suất của biến cố.(t2)		-Lớp học
	75(Đại số)	Luyện tập chung (sau bài xác suất của biến cố)	-Vận dụng kiến thức về xác suất của biến cố vào giải bài toán liên quan.	-Lớp học
	76(xác suất thống kê)	Bài tập cuối chương VIII	- Nhận biết bài toán về biến cố, xác suất của biến cố; -Giải các bài tập liên quan	-Lớp học
	77(Hoạt động trải nghiệm)	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	- Hoạt động trải nghiệm liên quan đến mạch xác suất giúp học sinh xác định được một biến cố xảy ra hay không ứng với một kết quả có thể của trò chơi -So sánh được khả năng xảy ra hai biến cố bằng cảm nhận và kiểm chứng lại bằng kết quả thực tiễn	-Lớp học
34	78(Đại số)	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	- Ôn tập các kiến thức về tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau -Ôn tập về tỉ lệ thuận , tỉ lệ nghịch -Ôn tập về biểu thức đại số, đa thức một biến, cộng trừ đa thức một biến, nhân chia đa thức một biến -Ôn tập về biến cố, xác suất của biến cố	-Lớp học
	56(Hình học)	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	- Ôn tập về quan hệ giữa các yếu tố góc, cạnh -Ôn tập về các đường đồng quy trong tam giác -Ôn tập về hình hộp chữ nhật , hình	

			lập phương, hình lăng trụ	
	79(Đại số)	Kiểm tra cuối kỳ 2	- Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	-Phòng thi
	57(Hình học)	Kiểm tra cuối kỳ 2		
35	80(Hoạt động trải nghiệm)	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống (t2).	-Nắm được cách chuyển đổi đơn vị chiều dài và khối lượng -Tính toán việc tăng , giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng -Nhận biết được và vận dụng được công thức liên hệ giữa hai đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để giải quyết những vấn đề thường gặp trong cuộc sống liên quan đến chuyển đổi đơn vị , tính toán tăng giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng	-Lớp học
	81(Hoạt động trải nghiệm)	Vòng quay may mắn		
	82 (Hoạt động trải nghiệm)	Hộp quà và chân đế lịch.	-Ứng dụng kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mỹ thuật, thủ công	-Lớp học
	83(Hoạt động trải nghiệm)	Hộp quà và chân đế lịch.		-Lớp học

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 9 kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Cuối học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học trong học kì 1 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Giữa học kỳ 2	90 Phút	Tuần 27	- Nhắc lại kiến đã học đến tuần 25 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Cuối học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	- Nhắc lại kiến đã học từ đầu năm học đến giờ - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN: TOÁN , KHỐI LỚP: 8.

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 3 lớp ; Số học sinh: 130 em ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 , Đại học: 6 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ³: Tốt: 6 ; Khá:, Đạt:, Chưa đạt:

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Thước đo góc	8	Tam giác đồng dạng	
2	Thước eke	8	Tam giác vuông đồng dạng	
3	Mô hình hình chóp tam giác đều	8	Hình chóp tam giác đều.	
4	Mô hình hình chóp tứ giác đều	8	Hình chóp tứ giác đều	
6	Giác kẻ	8	-TH-TN: Ứng dụng định lý Thalès, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	
4	Phòng máy	1	-TH-TN: Sử dụng phần mềm Geogebra	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường		1 lớp học 40 em	
2	Phòng máy		1 lớp học 40 em	
...				

³ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN: TOÁN - LỚP 8

Năm học 2023-2024

(18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết)

Số và đại số:	26 tiết	Hình học và đo lường:	23 tiết
Thống kê và xác suất:	8 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	6 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	4 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	5 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm và lưu ý thực hiện
1	1 (Đại số)	Bài 1. Đơn thức	- Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phân biến và bậc của đơn thức. - Thu gọn đơn thức, nhận biết đơn thức đồng dạng, cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng.	-Lớp học
	2 (Đại số)	Bài 1. Đơn thức		
	1 (Hình học)	Bài 10. Tứ giác lồi	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi, giải thích định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi.	-Lớp học
	2(Hình học)	Bài 11. Hình thang cân (t1)	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một	

			đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.	
2	3(Đại số)	Bài 2. Đa thức	- Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức - Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến	-Lớp học
	4(Đại số)	Bài 2. Đa thức		
	3(Hình học)	Bài 11. Hình thang cân (t2)	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân. -Củng cố kiến thức về hình thang, hình thang cân -Rèn luyện kỹ năng giải bài tập	-Lớp học
	4(Hình học)	Luyện tập chung		
3	5(Đại số)	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	- Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức	-Lớp học
	6(Đại số)	Luyện tập chung (t1)	- Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức.	
	5(Hình học)	Bài 12. Hình bình hành(t1)	- Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành	-Lớp học
	6(Hình học)	Bài 12. Hình bình hành (t2)		
4	7(Đại số)	Luyện tập chung (t2)	- Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa	-Lớp học

			thức.	
	8(Đại số)	Bài 4. Phép nhân đa thức (t1)	- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức	
	7(Hình học)	Bài 12. Hình bình hành (t3)	- Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành	
	8(Hình học)	Luyện tập chung (t1)	-Củng cố kiến thức về hình bình hành.	
5	9(Đại số)	Bài 4. Phép nhân đa thức (t2)	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức	-Lớp học
	10 (Đại số)	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức	- Chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết) - Chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)	-Lớp học
	9(Hình học)	Luyện tập chung (t2)	-Củng cố kiến thức về hình bình hành.	-Lớp học
	10(Hình học)	Bài 13. Hình chữ nhật,	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật	-Lớp học
6	11(Đại số)	Luyện tập chung	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức	-Lớp học
	12 (Đại số)	Luyện tập chung	- Chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)	-Lớp học
	11(Hình học)	Bài 14. Hình thoi và hình vuông.	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông, giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông	-Lớp học
	12(Hình học)	Bài 14. Hình thoi và hình vuông.	- Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông	-Lớp học
7	13(Đại số)	Ôn tập chương	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận	-Lớp học

			dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	
	14(Đại số)	Bài 6. Mở đầu về hằng đẳng thức.Hiệu hai bình phương, Bình phương của một tổng hay một hiệu	- Nhận biết hằng đẳng thức ,mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức	-Lớp học
	13(Hình học)	Luyện tập chung	Củng cố kiến thức về hình thoi, hình vuông	-Lớp học
	14(Hình học)	Luyện tập chung		
8	15 (Đại số)	Bài 6. Mở đầu về hằng đẳng thức.Hiệu hai bình phương, Bình phương của một tổng hay một hiệu	- Nhận biết hằng đẳng thức ,mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức	-Lớp học
	16 (Đại số)	Ôn tập giữa kỳ 1	-Củng cố kiến thức (từ bài 1 đến bài 6)	
	15(Hình học)	Ôn tập chương	- Củng cố các kiến thức + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	16(Hình học)	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t1)	- Định lí Thales trong tam giác (thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales.	-Lớp học
9	17(Đại số)	Ôn tập giữa kỳ 1	-Củng cố kiến thức bài 1 đến bài 6	-Lớp học
	18(Đại số)	Kiểm tra giữa kỳ I	-Kiểm tra đánh giá những kiến thức	

			mà học sinh đã học - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.	
	17(Hình học)	Kiểm tra giữa kỳ I	-Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh.	-Lớp học
	18(Hình học)	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t2)	- Định lí Thales trong tam giác (thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales.	-Lớp học
10	19(Đại số)	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu	- Mô tả các hằng đẳng thức : lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức	-Lớp học
	20(Đại số)	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu		-Lớp học
	19(Hình học)	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t3)	- Định lí Thales trong tam giác (thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales.	-Lớp học
	20(Hình học)	Bài 16. Đường trung bình của tam giác, của hình thang	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác.	-Lớp học

11	21(Đại số)	Bài 8 Tổng và hiệu hai lập phương	- Mô tả các hằng đẳng thức : tổng, hiệu hai lập phương	-Lớp học
	22(Đại số)	Bài 8 Tổng và hiệu hai lập phương	- Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích	
	21(Hình học)	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	- Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng.	-Lớp học
	22(Hình học)	Luyện tập chung (t1)	-Củng cố kiến thức về đường trung bình, tính chất đường phân giác trong tam giác	-Lớp học
12	23(Đại số)	Luyện tập chung	-Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	24(Đại số)	Luyện tập chung		-Lớp học
	23(Hình học)	Luyện tập chung (t2)	-Củng cố kiến thức về đường trung bình, tính chất đường phân giác trong tam giác	-Lớp học
	24(Hình học)	Bài tập cuối chương VI	-ôn tập kiến thức toàn chương	
13	25(Đại số)	Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử; mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức.	-Lớp học
	26(Đại số)	Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử		
	25(XSTK)	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	- Thực hiện và lí giải việc thu nhập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục	-Lớp học
	26(XSTK)	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t1)	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ	

			liệu cho trước	
14	27(Đại số)	Luyện tập chung	- Củng cố kiến thức	-Lớp học
	28 (Đại số)	Luyện tập chung		
	27(XSTK)	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t2)	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước	
	28(XSTK)	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t1)	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8	-Lớp học
15	29(Đại số)	TỔNG KẾT CHƯƠNG	-Củng cố kiến thức toàn chương	-Lớp học
	30(HĐTN)	Công thức lãi kép	- Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn lãi) sau N kì gửi tiết kiệm	
	29(XSTK)	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t2)	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8	
	30(XSTK)	Luyện tập chung (t1)	- Củng cố các kiến thức phân tích số liệu, thống kê, vẽ biểu đồ	-Lớp học
16	31(HĐTN)	Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên đa thức	-Phòng TH Tin
	32(HĐTN)	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t1)	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hành , hình	--Phòng TH Tin

			thang	
	31(XSTK)	Luyện tập chung (t2)	- Củng cố các kiến thức phân tích số liệu, thống kê, vẽ biểu đồ	-Lớp học
	32(XSTK)	TỔNG KẾT CHƯƠNG	-Tổng kết toàn chương	-Lớp học
17	33(HĐTN)	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t2)	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang	--Phòng TH Tin
	34(Đại số)	Ôn tập cuối kỳ 1	- Ôn luyện một cách có hệ thống kiến thức lí thuyết của học kỳ I	-Lớp học
	33(XSTK)	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam	- Phân tích một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam	- Lớp học
	34(XSTK)	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam		- Lớp học
18	35(Đại số)	Ôn tập cuối kỳ 1	-Ôn tập kiến thức cuối HKI	-Lớp học
	35 (Hình học)	Ôn tập cuối kỳ 1	-Ôn tập kiến thức cuối HKI	-Lớp học
	36 (Đại số)	Kiểm tra học kì 1	Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.	-Phòng thi
	36 (Hình học)	Kiểm tra học kì 1		-Phòng thi

HỌC KỲ II

(17 tuần x 4 tiết/ tuần = 68 tiết)

Số và đại số:	29 tiết	Hình học và đo lường:	21 tiết
Thống kê và xác suất:	9 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	4 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	3 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	4 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Thiết bị dạy học	Địa điểm và hướng dẫn thực hiện
19	37 (Đại số)	Bài 21. Phân thức đại số	- Nhận biết phân thức đại số ,tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thỏa mãn điều kiện xác định, nhận biết hai phân thức bằng nhau	-Lớp học
	38(Đại số)	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t1)	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi	
	37 (Hình học)	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác	-Lớp học
	38(Hình học)	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng		
20	39(Đại số)	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t2)	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi	-Lớp học
	40(Đại số)	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t3)		-Lớp học
	39(Hình học)	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t1,2)	- Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn	-Lớp học
	40(Hình học)	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t1,2)		
21	41(Đại số)	Luyện tập chung (t1)	-Củng cố kiến thức về phân thức, tính chất cơ bản của phân thức đại số	-Lớp học
	42(Đại số)	Luyện tập chung (t2)	-Củng cố kiến thức về phân thức, tính chất cơ bản của phân thức đại số	-Lớp học

	41(Hình học)	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t3)	- Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn	-Lớp học
	42(Hình học)	Luyện tập chung (t1)	- Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
22	43(Đại số)	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t1)	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số	-Lớp học
	44(Đại số)	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t2)	- Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán	
	43(Hình học)	Luyện tập chung (t2)	- Giải thích định lý Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore	-Lớp học
	44(Hình học)	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (t1)	-Nhận biết đường phân giác của tam giác. -Nhận biết sự đồng quy của 3 đường phân giác trong một tam giác	-Lớp học
23	45(Đại số)	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t3)	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán	-Lớp học
	46(Đại số)	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t1)	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán	-Lớp học
	45(hình học)	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (t2)	- Giải thích định lý Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore	-Lớp học
	46(Hình học)	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t1)	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông	-Lớp học

			- Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng	
24	47(Đại số)	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t2)	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán	-Lớp học
	48(Đại số)	Luyện tập chung (t1)	-Củng cố kiến thức về phép cộng, trừ, nhân, chia phân thức	-Lớp học
	47(Hình học)	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t2)	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng	-Lớp học
	48(Hình học)	Bài 37. Hình đồng dạng	- Nhận biết hai hình đồng dạng; nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... biểu hiện qua hình đồng dạng	-Lớp học
25	49(Đại số)	Luyện tập chung (t2)	-Củng cố kiến thức về phép cộng, trừ, nhân, chia phân thức	-Lớp học
	50(Đại số)	Bài tập cuối chương VI	- Củng cố kiến thức toàn chương	
	49(Hình học)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	
	50(Hình học)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
26	51(Đại số)	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.	-Lớp học

			- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.	
	52(Đại số)	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất. - Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.	-Lớp học
	51(Hình học)	Ôn tập cuối chương IX	- Ôn tập kiến thức cuối chương	-Lớp học
	52(Hình học)	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều. - Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều.	-Lớp học
27	53(Đại số)	Ôn tập giữa kì 2	-Ôn tập các kiến thức từ tuần 19 đến 25	-Lớp học

	54(Đại số)	Kiểm tra giữa kỳ 2	- Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.	-Phòng thi
	53(Hình học)	Kiểm tra giữa kỳ 2	- Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Năng lực tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tính toán sử dụng ngôn ngữ.	-Phòng thi
	54(Hình học)	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.(tt)	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều. - Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều.	-Lớp học
28	55(Đại số)	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	-Lớp học

	56(Đại số)	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình		-Lớp học
	55(hình học)	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp tứ giác đều.	-Lớp học
	56(Hình học)	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	- Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều. - Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.	-Lớp học
29	57(Đại số)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	58(Đại số)	Luyện tập chung		
	57(Hình học)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	58(Hình học)	Bài tập cuối chương X	-Hệ thống kiến thức toàn chương	
30	59(Đại số)	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	- Nhận biết khái niệm thực tế dẫn đến khái niệm hàm số; tính giá trị của hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó; nhận biết đồ thị hàm số	-Lớp học
	60(Đại số)	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số		
	59(XSTK)	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả	- Xác định các kết quả có thể của hành	

		thuận lợi	động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm.	-Lớp học
	60(XSTK)	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t1)	- Nắm được xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.	-Lớp học
31	61(Đại số)	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất; vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất.	-Lớp học
	62(Đại số)	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	- Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.	-Lớp học
	61(XSTK)	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t2)	- Nắm được xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.	-Lớp học
	62(XSTK)	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t1)	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.	-Lớp học
32	63(Đại số)	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y=ax+b$ (a khác 0) - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.	
	64(Đại số)	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng		
	63(XSTK)	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t2)	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.	- -Lớp học

	64(XSTK)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
33	65(Đại số)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	66(Đại số)	Bài tập cuối chương VII	-Hệ thống kiến thức toàn chương.	-Lớp học
	65(XSTK)	Luyện tập chung	- Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	-Lớp học
	66(XSTK)	Bài tập cuối chương VIII	-Hệ thống kiến thức toàn chương.	-Lớp học
34	67(Đại số)	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	- Hệ thống kiến thức HKII	-Lớp học
	67(Hình học)	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	- Hệ thống kiến thức HK II	
	68(Đại số)	Kiểm tra cuối kỳ 2	- Kiểm tra đánh giá những kiến thức mà học sinh đã học - Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức đã học, giải bài tập, phân tích, tư duy của học sinh. - Trung thực nghiêm túc trong kiểm tra.	-Phòng thi
	68(Hình học)	Kiểm tra cuối kỳ 2		
35	69(HĐTN)	Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính.	- Giới thiệu một vài ứng dụng đơn giản của hàm số bậc nhất trong tài chính	-Lớp học, ngoài trời
	70(HĐTN)	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	- Ứng dụng định lí Thalès để đo chiều cao của ngọn cây (tòa nhà,tòa tháp) - Ứng dụng định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách những điểm không tới được	
	69 (HĐTN)	Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên phân thức đại số, giải phương trình bậc nhất một ẩn và vẽ	-Phòng TH Tin

			đồ thị của hàm số bậc nhất	
	70(HĐTN)	Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	- Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm bảng tính Excel, sử dụng một số hàm cơ bản và tính xác suất thực nghiệm của biến cố để có thể thấy rằng khi số lần thực hiện thí nghiệm càng lớn thì sắc xuất thực nghiệm càng xấp xỉ tốt cho sắc xuất	-Phòng TH Tin

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	60 phút	Tuần 9	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 9 kiến đã học - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Cuối học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	- Nhắc lại, củng cố kiến thức đã học trong học kì 1 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết
Giữa học kỳ 2	60 Phút	Tuần 26	- Nhắc lại kiến đã học đến tuần 25 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao	Kiểm tra viết

			- Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	
Cuối học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	- Nhắc lại kiến đã học từ đầu năm học đến giờ - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải bài tập với bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp và vận dụng cao - Rèn luyện tính trung thực, nghiêm túc, cẩn thận trong quá trình làm bài kiểm tra	Kiểm tra viết

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN: TOÁN , KHỐI LỚP: 9.

(Năm học 2023 - 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 5 lớp ; **Số học sinh:** 179 ; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....

1.2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 6 ; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học: 6 ; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ⁴: Tốt: 6 ; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Giác kế	8	Ứng dụng thực tế tỉ số lượng giác góc nhọn	
2	Thước cuộn	8	Ứng dụng thực tế tỉ số lượng giác góc nhọn	
3	Máy tính CASIO	4	Thực hành máy tính CASIO Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ	

⁴ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4	Mô hình về hình nón, hình trụ	2	Hình nón - Diện tích xung quanh và thể tích hình nón	
---	-------------------------------	---	--	--

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường		1 lớp học 40 em	
2				
...				

2. Kế hoạch dạy học⁵

2.1. Phân phối chương trình

HỌC KÌ I

Từ tuần 1 đến tuần 18 (18 tuần thực học)

Đại số: Gồm 39 tiết -Tuần 1, tuần 2 dạy 3 tiết/tuần -Tuần 3, tuần 4 dạy 1 tiết/ tuần -Tuần 5 đến tuần 14 dạy 2 tiết/ tuần -Tuần 15 đến tuần 17 dạy 3 tiết/ tuần -Tuần 18 dạy 2 tiết/ tuần	Hình học: Gồm 33 tiết -Tuần 1, tuần 2 dạy 1 tiết/tuần -Tuần 3, tuần 4 dạy 3 tiết/ tuần -Tuần 5 đến tuần 14 dạy 2 tiết/ tuần -Tuần 15 đến tuần 17 dạy 1 tiết/ tuần -Tuần 18 dạy 2 tiết/ tuần
---	---

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học và lưu ý thực hiện
1	1 (Đại số)	Chương I. CĂN BẬC HAI. CĂN BẬC BA	- Nhận biết được khái niệm về căn bậc	

⁵ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

		Căn bậc hai	hai của số thực không âm -So sánh các căn bậc hai số học -Tìm được giá trị không âm của biến x với điều kiện cho trước	
	2 (Đại số)	Căn thức bậc hai, hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $	-Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai -Biết cách tìm điều kiện xác định (hay có nghĩa) của $\sqrt{A}$. -Vận dụng vào hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ để rút gọn biểu thức	
	3 (Đại số)	Luyện tập.	- Vận dụng được HĐT $\sqrt{A^2} = A$ để rút gọn biểu thức -Dựa vào căn bậc hai số học để tính giá trị của biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình đơn giản, chứng minh đẳng thức.	
	1 (Hình học)	CHƯƠNG 1: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	- Biết thiết lập các hệ thức cạnh góc vuông $b^2 = ab'$, $c^2 = ac'$, hệ thức đường cao $h^2 = b'.c'$ trong tam giác vuông - Biết vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập - Biết vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập thực tiễn	

2	4 (Đại số)	Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	-Nắm được nội dung định lý từ đó nắm được hai quy tắc về khai phương một tích và quy tắc nhân các căn thức bậc hai - Có kỹ năng sử dụng các quy tắc khai phương một tích và nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.	
	5 (Đại số)	Luyện tập.	- Vận dụng được hai quy tắc để tính toán và biến đổi biểu thức . - Làm thành thạo các bài toán về rút gọn biểu thức, chứng minh đẳng thức, tìm x, ...	
	6 (Đại số)	Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	- Nắm được hai quy tắc suy ra từ định lý đó là qui tắc khai phương một thương và quy tắc chia hai căn thức bậc hai . - Có kỹ năng dùng các quy tắc trên để tính toán và rút gọn biểu thức , tìm x,...	
	2 (Hình học)	Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tt)	- Hiểu cách thiết lập các hệ thức $bc = ah$, $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$ - Biết vận dụng các hệ thức trên để tính đường cao trong tam giác vuông	
3	7 (Đại số)	Luyện tập	- Vận dụng được các quy tắc để tính toán và rút gọn biểu thức ;	

			- Rèn luyện kỹ năng tính toán, biến đổi để rút gọn các biểu thức có liên quan đến khai phương một thương và chia hai căn bậc hai;	
	3 (Hình học)	Luyện tập	- củng cố kiến thức lí thuyết một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông - Rèn luyện kỹ năng vẽ tam giác vuông, vẽ đường cao. - Rèn luyện kỹ năng vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập	
	4 (Hình học)	Luyện tập	- củng cố kiến thức lí thuyết một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông - Rèn luyện kỹ năng vẽ tam giác vuông, vẽ đường cao. - Rèn luyện kỹ năng vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập	
	5 (Hình học)	Tỉ số lượng giác góc nhọn	- Hiểu các công thức , định nghĩa tỉ số lượng giác của một góc nhọn - Tính được các tỉ số lượng giác của ba góc đặc biệt 30^0, 45^0 và 60^0 - Biết vận dụng vào giải các bài tập có liên quan	- Ký hiệu tỉ số lượng giác Sửa lại kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$, cotang của góc α là $\cot \alpha$.
4	8 (Đại số)	Hướng dẫn sử dụng máy tính CASIO.	-Hiểu được các chức năng các phím	Bảng lượng giác không dạy

			trên máy tính. - Nắm vững cách sử dụng máy tính để tìm căn bậc hai của các số không âm. - Biết cách sử dụng máy tính để tìm căn bậc hai của ột số. Tìm được căn bậc ba, bậc 4,.. bậc n của một số .	
6 (Hình)	Tỉ số lượng giác góc nhọn (tt)		- Biết mối liên hệ giữa tỉ số lượng giác của các góc phụ nhau . - Hiểu được cách dựng góc nhọn khi biết tỉ số của nó. -Dựng được góc nhọn khi biết tỉ số của nó. - Tính được các tỉ số lượng giác của ba góc đặc biệt 30^0 , 45^0 và 60^0 - Biết vận dụng vào giải các bài tập có liên quan	
7 (Hình học)	Luyện tập		- Củng cố kiến thức lí thuyết về định nghĩa tỉ số lượng giác của góc nhọn, tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. -Rèn luyện cho HS kĩ năng dựng góc nhọn khi biết một trong các tỉ số lượng giác của nó - Sử dụng định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn để chứng minh một số công thức đơn giản	

5	8 (Hình học)	Tìm tỉ số lượng giác và góc bằng máy tính CASIO	-Nắm được các chức năng của máy tính và cấu tạo của nó. -Cách sử dụng các phím trên máy tính - Có kĩ năng sử dụng máy tính để tìm các tỉ số lượng giác khi cho biết số đo góc và ngược lại, tìm số đo góc nhọn khi biết một tỉ số lượng giác của góc đó	
	9 (Đại số)	Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.	- Nắm được các phương pháp biến đổi để đưa thừa số ra ngoài hay vào trong dấu căn; - Có kỹ năng đưa thừa số ra ngoài hay vào trong dấu căn - Vận dụng được các phép biến đổi trên để so sánh hai số và rút gọn biểu thức	- Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai” gồm: 1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn 3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu số
	10 (Đại số)	Luyện tập	- Vận dụng được các phép biến đổi trên để tính toán và rút gọn biểu thức; so sánh căn bậc hai - Rèn luyện kỹ năng tính toán, biến đổi để rút gọn các biểu thức chứa căn bậc hai	
	9 (Hình học)	Luyện tập	- Có kĩ năng dùng máy tính bỏ túi để tìm tỉ số lượng giác khi cho biết số đo góc và ngược lại tìm số đo góc nhọn	

6			khi biết một tỉ mô lượng giác của góc đó - Nhanh nhẹn, chính xác khi tính toán	
	10 (Hình học)	Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	- Hiểu các hệ thức giữa cạnh và góc của một tam giác vuông. - Có kĩ năng vận dụng các hệ thức trên để giải một số bài tập, thành thạo việc sử dụng máy tính bỏ túi và cánh làm tròn số.	
	11 (Đại số)	Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai (tt)	- Biết cách khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu - Bước đầu biết phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên để giải toán - Vận dụng được các phép biến đổi trong từng bài toán cụ thể	
	12 (Đại số)	Luyện tập	- Vận dụng được các phép biến đổi để so sánh hoặc rút gọn các biểu thức; - Có kỹ năng phối hợp các phép biến đổi trên trong quá trình tính toán cũng như giải toán;	
	11 (Hình học)	Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông(tt)	- Hiểu được thuật ngữ “giải tam giác vuông” là gì ? - Học sinh vận dụng được các hệ thức trên trong việc giải tam giác vuông	

	12 (Hình học)	Luyện tập	- củng cố vững chắc các hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. - Vận dụng được các hệ thức đã học trong việc giải tam giác vuông. - Được thực hành nhiều về áp dụng các hệ thức, sử dụng mdt, cách làm tròn số.	
7	13 (Đại số)	Rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai	- Biết phối hợp các phép biến đổi để rút gọn biểu thức, chứng minh đẳng thức; - Biết sử dụng kỹ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài toán liên quan ; - Rèn luyện kỹ năng tính toán, biến đổi hợp lý khi giải toán ;	
	14 (Đại số)	Luyện tập	- Vận dụng được các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các dạng toán : rút gọn biểu thức có chứa căn thức bậc hai, chứng minh đẳng thức, các dạng toán khác có liên quan đến rút gọn và tính giá trị biểu thức và giải phương trình. - Rèn luyện kỹ năng biến đổi , kỹ năng vận dụng các phép biến đổi linh hoạt, sáng tạo	
	13 (Hình học)	Luyện tập	- Vận dụng được các hệ thức đã học	

			trong việc giải tam giác vuông. - Được thực hành nhiều về áp dụng các hệ thức, sử dụng mtđt, cách làm tròn số.	
	14 (Hình học)	Ứng dụng thực tế tỉ số lượng giác góc nhọn	- Xác định được chiều cao của một vật thể mà không cần lên đến điểm cao nhất của nó -Xác định khoảng cách giữa hai vật. -Thấy được việc ứng dụng các tỉ số lượng giác để giải quyết một số bài toán thực tế. - Rèn kĩ năng đo đạc thực tế, rèn ý thức làm việc tập thể.	Dạy học ngoài lớp
8	15 (Đại số)	Căn bậc ba.	-Nắm và hiểu được định nghĩa căn bậc ba của một số - Hiểu được rằng mọi số thực đều có căn bậc ba. - Nắm được các tính chất của căn bậc ba. - Biết cách tìm căn bậc ba của một số bằng bảng hoặc bằng MTBT.	
	16 (Đại số)	Chương II. HÀM SỐ BẬC NHẤT Nhắc lại và bổ sung khái niệm về hàm số.	-Nắm được khái niệm hàm số, đồ thị hàm số -Nắm được hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến	

9	15 (Hình học)	CHƯƠNG 2: ĐƯỜNG TRÒN Sự xác định đường tròn - Tính chất đối xứng của đường tròn	- Nắm được định nghĩa đường tròn, các cách xác định một đường tròn, đường tròn ngoại tiếp tam giác và tam giác nội tiếp đường tròn. - Nắm được đường tròn là hình có tâm đối xứng, có trục đối xứng. - Biết cách dựng đường tròn đi qua 3 điểm không thẳng hàng. Biết chứng minh một điểm nằm trên, nằm trong, nằm ngoài đường tròn.	
	16 (Hình)	Luyện tập	- Củng cố các kiến thức về sự xác định đường tròn, tính chất đối xứng của đường tròn qua một số bài tập. - Rèn kĩ năng vẽ hình, suy luận chứng minh hình học, Rèn kĩ năng trình bày bài tập.	
	17 (Đại số)	Ôn tập giữa học kì I	-Nắm được các kiến thức cơ bản về căn thức bậc hai một cách có hệ thống. -Biết tổng hợp các kĩ năng đã có về tính toán, biến đổi biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải phương trình	
	18 (Đại số)	Ôn tập giữa học kì I	- Hệ thống hoá các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. Hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác	

			của hai góc phụ nhau. - Rèn kĩ sử dụng mdtđ để tính các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc.	
	17 (Hình học)	Ôn tập giữa học kì I (tt)	-Tiếp tục luyện các kĩ năng về rút gọn biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm điều kiện xác định của biểu thức, giải phương trình , giải bất phương trình	
	18 (Hình học)	Ôn tập giữa học kì I (tt)	- Hệ thống hoá các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. Hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. - Rèn luyện kĩ năng giải tam giác vuông, vận dụng vào tính chiều cao, chiều rộng của vật thể thực tế. Giải các bài tập có liên quan thực tế.	
10	19 (Đại số)	Kiểm tra giữa học kì I	+ Biết khái niệm căn bậc hai số học của một số, hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ + Biết các qui tắc khai phương một tích, một thương, qui tắc nhân các căn bậc hai, chia hai căn bậc hai. +Biết các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai. +Vận dụng được hằng đẳng thức, các qui tắc vào trong tính toán	Phòng thi

			+ Vận dụng được các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai để thực hiện các phép tính, rút gọn, chứng minh biểu thức chứa căn bậc hai	
	19(Hình học)	Kiểm tra giữa học kì I	- Vận dụng các hệ thức trong tam giác vuông, định nghĩa tỉ số lượng giác góc nhọn, hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông để giải toán - Biết sử dụng bảng số, máy tính để tính tỉ số lượng giác của góc nhọn cho trước hoặc số đo của một góc nhọn cho trước, hoặc số đo của góc khi biết khi biết tỉ số lượng giác của góc đó - Kỹ năng vẽ hình chính xác	Phòng thi
	20 (Đại số)	Trả bài kiểm tra giữa học kì I (phần đại số)	- Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ. - Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	
	20 (Hình học)	Trả bài kiểm tra giữa học kì I (phần hình học)	- Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ. - Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	
11	21 (Đại số)	Luyện tập.	- củng cố các khái niệm: ”hàm số	

			“biến số “, “đồ thị của hàm số “, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến trên R - Tiếp tục rèn luyện kỹ năng tính giá trị của hàm số, kỹ năng vẽ đồ thị hàm số, kỹ năng “đọc” đồ thị	
	22 (Đại số)	Hàm số bậc nhất.	- Nắm được hàm số bậc nhất là hàm số có dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) - Nắm được tính chất hàm số bậc nhất	- Bài tập 19 HS tự làm - Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số bậc nhất” gồm: 1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất - Không yêu cầu HS vẽ đồ thị hàm số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ.
	21 (Hình học)	Đường kính và dây của đường tròn	- Nắm được đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn, nắm được hai định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm. - Biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của một dây, đường kính vuông góc với dây.	
	22 (Hình học)	Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	- Nắm được các định lý về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây của một đường tròn.	

			- Biết vận dụng các định lý trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây.	
12	23 (Đại số)	Hàm số bậc nhất (tt)	- Nắm được đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) - Biết vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$	
	24 (Đại số)	Luyện tập.	- Vẽ thành thạo đồ thị hàm số $y = ax + b$ và tìm được hệ số a, b với điều kiện cho trước.	
	23 (Hình học)	Luyện tập bài 2;3	- Khắc sâu kiến thức : đường kính là dây lớn nhất của đường tròn và các định lý về quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây cung của đường tròn qua một số bài tập. -Rèn kỹ năng vẽ hình, suy luận chứng minh hình học.	
	24 (Hình học)	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	-Nắm ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, các khái niệm tiếp tuyến, tiếp điểm. Nắm được định lý về tính chất tiếp tuyến. Nắm được các hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của đường thẳng và đường	

			tròn. - Biết vận dụng các kiến thức được học trong giờ học để nhận biết các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.	
13	25 (Đại số)	Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau.	- Nắm vững điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau - Biết chỉ ra các cặp đường thẳng song song, cắt nhau. - Biết vận dụng lí thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau song song với nhau, trùng nhau	
	26 (Đại số)	Luyện tập.	- Củng cố điều kiện để hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. - Biết xác định các hệ số a, b trong các bài toán cụ thể.	
	25 (Hình học)	Luyện tập	- Củng cố các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn - Rèn kĩ năng nhận biết vị trí của đường thẳng và đường tròn. - Rèn kĩ năng chứng minh, kĩ năng tính toán. Phát huy tính tư duy, rèn tính	

			trình bày.	
	26 (Hình học)	Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	- Nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. - Biết vẽ tiếp tuyến tại 1 điểm của đường tròn, vẽ tiếp tuyến đi qua 1 điểm nằm bên ngoài đường tròn. Vận dụng lí thuyết vào giải các bài tập.	
14	27 (Đại số)	Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)	- Nắm vững khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ và hiểu được rằng hệ số góc của đường thẳng liên quan mật thiết với góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox - Biết tính góc α hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và Ox trong trường hợp hệ số $a > 0$ theo công thức $a = \tan \alpha$.	-Ví dụ 2 không dạy -Bài tập 31 Không yêu cầu HS làm
	28 (Đại số)	Luyện tập	- Củng cố mối liên quan giữa hệ số a và góc α (góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ với trục Ox) *Kĩ năng: -Kĩ năng xác định hệ số góc a, hàm số $y = ax + b$, vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$, tính góc α, tính chu vi và diện tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ.	
	27 (Hình học)	Luyện tập bài 4;5	-Củng cố các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn -Rèn kĩ năng nhận biết tiếp tuyến của	

			đường tròn. -Rèn kĩ năng chứng minh, kĩ năng giải bài toán dựng tiếp tuyến. Phát huy tính tư duy, rèn tính trình bày.	
	28 (Hình học)	Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	-Nắm được các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đường tròn, hiểu được đường tròn bàng tiếp tam giác. - Biết vẽ đường tròn nội tiếp một tam giác cho trước. Biết vận dụng tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau vào bài tập tính toán hoặc chứng minh.	
15	29 (Đại số)	Chương III. HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN Phương trình bậc nhất hai ẩn.	- Nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn và nghiệm của nó - Hiểu tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó - Biết cách tìm công thức nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn	
	30 (Đại số)	Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.	-Nắm được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn; -Phương pháp minh hoạ hình học tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn -Khái niệm hai hệ phương trình tương	

			đường -Nhận biết được số nghiệm của hệ phương trình dựa vào vị trí của hai đường thẳng	
	31 (Đại số)	Luyện tập bài 1,2	- Củng cố cách tìm nghiệm tổng quát , và biểu diễn tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn trên hệ tọa độ - Củng cố cách minh họa tập nghiệm của hệ phương trình trên hệ tọa độ và nhận biết được hệ phương trình có nghiệm, hay vô nghiệm dựa vào vị trí của hai đường thẳng	
	29 (Hình học)	Luyện tập	- Củng cố các tính chất của tiếp tuyến của đường tròn, đường tròn nội tiếp tam giác. - Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, vận dụng các tính chất của tiếp tuyến vào bài tập tính toán và chứng minh. Bước đầu vận dụng tính chất của tiếp tuyến vào bài tập quỹ tích và dựng hình.	
16	32 (Đại số)	Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.	- Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế -Giải được hệ phương trình bằng phương pháp thế.	
	33 (Đại số)	Luyện tập.	- Rèn kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế	

	34 (Đại số)	Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.	-HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số. -Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số.	
	30 (Hình học)	Ôn tập cuối học kì I	- HS được củng cố vững chắc các hệ thức lượng trong tam giác vuông; định nghĩa tỉ số lượng giác góc nhọn và một số tính chất của các tỉ số lượng giác. -Rèn kỹ năng tính đoạn thẳng trong tam giác vuông; tính góc trong tam giác vuông	
17	35 (Đại số)	Luyện tập.	- Củng cố qui tắc thế và qui tắc cộng đại số để giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. - Vận dụng được qui tắc thế và qui tắc cộng đại số để giải phương trình bằng cách biến đổi thích hợp để được hệ phương trình tương đương.	
	36 (Đại số)	Ôn tập cuối học kỳ I.	-Hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học ở chương I gồm các nội dung kiến thức cơ bản về căn bậc hai, căn bậc ba : định nghĩa căn bậc hai số học, điều kiện để căn thức bậc hai có nghĩa, định lý về mối liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương, định lý về mối liên hệ giữa phép chia và phép khai	

			phương, các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai. -Luyện tập về kỹ năng tính giá trị biểu thức, kỹ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai, tìm x và các bài toán liên quan đến rút gọn biểu thức. -Rèn luyện kỹ năng tính toán, cách trình bày bài giải về tính giá trị biểu thức, tìm x , ...	
	37 (Đại số)	Ôn tập cuối học kỳ I (tt)	-Hệ thống hóa toàn bộ kiến thức đã học ở chương II gồm các nội dung kiến thức cơ bản về hàm số bậc nhất: Định nghĩa và tính chất hàm số bậc nhất, đồ thị hàm số $y = ax + b$, đường thẳng song song, cắt nhau, hệ số góc đường thẳng $y = ax + b$ -Luyện tập về kỹ năng vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$; Tính góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox; Tìm hệ số a, b với điều kiện cho trước. -Luyện tập cách giải hệ pt	
	31 (Hình học)	Ôn tập cuối học kì I	- Củng cố vững chắc quan hệ vuông góc đường kính và dây, dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến, tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.	

			-Rèn luyện kỹ năng chứng minh tiếp tuyến đường tròn, chứng minh vuông góc,...	
18	38 (Đại số)	Kiểm tra cuối học kỳ I	Nắm được kiến thức trọng tâm của chương 1, chương 2 đại số	Phòng Thi
	32 (Hình học)	Kiểm tra cuối học kỳ I	Nắm được kiến thức trọng tâm của chương 1, chương 2 hình học	Phòng Thi
	39 (Đại số)	Trả bài kiểm tra cuối học kỳ I (phần Đại Số).	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ. -Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	
	33 (Hình học + Đại số)	Trả bài kiểm tra cuối học kỳ I (phần Hình học).	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ. -Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	

HỌC KÌ II

Từ tuần 19 đến tuần 35 (17 tuần thực học)

Đại số: Gồm 29 tiết -Tuần 19 đến tuần 29 dạy 2 tiết/tuần -Tuần 30 đến tuần 34 dạy 1 tiết/tuần -Tuần 35 dạy 2 tiết/tuần	Hình học: Gồm 39 tiết -Tuần 19 đến tuần 29 dạy 2 tiết/tuần -Tuần 30 đến tuần 34 dạy 3 tiết/tuần -Tuần 35 dạy 2 tiết/tuần
--	--

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học và lưu ý thực hiện
19	40 (Đại số)	Thực hành giải hệ phương trình bằng máy tính CA SIO	-Biết sử dụng máy tính bỏ túi casio để giải hệ phương trình -Sử dụng thành thạo các thao tác trên máy tính. -Giải nhanh các hệ phương trình bằng máy tính bỏ túi .	
	41 (Đại số)	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.	- Nắm được các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, biết được các dạng toán và mối liên hệ giữa các đại lượng có trong bài toán. -Giải được các dạng bài toán đơn giản được đề cập trong SGK. -Giải đúng chính xác, vận dụng để giải các bài toán thực tế	§5. Giải bài toán bằng cách lập hệ PT. §6. Giải bài toán bằng cách lập hệ PT. Luyện tập Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình” gồm: 1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. 2. Ví dụ Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế.
	34 (Hình học)	Vị trí tương đối của hai đường tròn	-Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau, hai đường tròn không giao nhau). -Nắm được tính chất đường nối tâm	-Cả 02 bài §7 , §8 và phần luyện tập Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Vị trí tương đối của hai đường tròn” 1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn 2. Tính chất đường nối tâm 3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính

				4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn
	35 (Hình học)	Vị trí tương đối của hai đường tròn (tt)	- Nắm được hệ thức giữa đoạn nối tâm và bán kính. - Nắm được khái niệm tiếp tuyến chung của hai đường tròn. - Hiểu được tính chất tiếp tuyến chung của hai đường tròn.	
20	42 (Đại số)	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (tt).	- Nắm được các dạng toán và các đại lượng tham gia vào từng dạng bài toán; - Vận dụng để giải các bài toán thực tiễn.	
	43 (Đại số)	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình - Luyện tập.	- Rèn luyện kỹ năng giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Giải được các dạng toán về hình học, công việc, toán chuyển động. - Nắm vững các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, biết chọn ẩn phù hợp với yêu cầu của bài toán, biết cách phân tích các đại lượng trong bài toán để lập được hệ phương trình và biết cách trình bày bài giải rõ ràng, khúc chiết.	
	36 (Hình học)	Luyện tập bài 7-8	- củng cố vị trí tương đối của hai đường tròn, tính chất đường nối tâm, hệ thức liên hệ giữa d, R và r, tiếp tuyến chung của hai đường tròn. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải	

			các bài toán có liên quan đến vị trí tương đối của hai đường tròn. -Sử dụng thành thạo các dụng cụ để vẽ hình	
	37 (Hình học)	Ôn tập chương II	- Hệ thống hóa kiến thức đã học ở chương II -Củng cố các khái niệm, các định lý - Vận dụng các kiến thức đã học để giải được các bài tập có liên quan về đường tròn, tiếp tuyến	
21	44 (Đại số)	Ôn tập chương III.	-Hệ thống hóa kiến thức đồng thời củng cố các kiến thức cũng như bổ sung một số kiến thức mà học sinh chưa nắm vững. -Nắm vững khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và tập nghiệm. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và số nghiệm của hệ. Minh họa hình học của chúng -Rèn luyện kỹ năng về giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế và phương pháp cộng đại số	Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác
	45 (Đại số)	Chương IV. HÀM SỐ $y = ax^2$ ($a \neq 0$). PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN Hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$)	-Biết cách tính giá trị của hàm số tương ứng với giá trị cho trước của biến số; -Nắm vững các tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$);	§1. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). §2. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Luyện tập. -Cả 02 bài và phần luyện tập Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)” gồm: 1. Ví dụ mở đầu

				2. Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y = ax^2$ nhờ đồ thị. Không chứng minh các tính chất đó bằng phương pháp biến đổi đại số. - Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) với a là số hữu tỉ
	38 (Hình học)	Chương 3: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN Góc ở tâm	-Nhận biết được góc ở tâm -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm	
	39 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố các khái niệm về góc ở tâm, số đo cung, so sánh hai cung. -Nắm được định lý khi nào thì $sđ AB = sđ AC + sđ CB$? -Rèn luyện kỹ năng so sánh hai cung, chứng minh được hai cung bằng nhau.	
22	46 (Đại số)	Hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$) (tt)	-Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). -Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). -Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).	

			- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)	
	47 (Đại số)	-Luyện tập.	-Củng cố khái niệm hàm số vẽ đồ thị của hàm số $y = ax^2$ với ($a \neq 0$). Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). -Biết tính giá trị của hàm số khi biết giá trị của biến số và ngược lại. - Biết cách vẽ đồ thị của hàm số, trình bày bài giải về vẽ đồ thị của hàm số -Vận dụng để tìm và giải được các bài toán trong thực tế.	
	40 (Hình học)	Liên hệ giữa cung và dây	-HS biết sử dụng các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung”. -Hiểu được các định lý 1; 2	
	41 (Hình học)	Góc nội tiếp	-Nhận biết được góc nội tiếp. -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc nội tiếp. -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.	
23	48 (Đại số)	Phương trình bậc hai một ẩn số.	- Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. - Giải được pt bậc hai một ẩn phương trình bậc hai một ẩn.	

	49 (Đại số)	Luyện tập.	- Nắm được các dạng phương trình bậc hai một ẩn. - Cách giải phương trình bậc hai một ẩn: Khuyết c, khuyết b, đầy đủ - Nắm vững cách giải các dạng phương trình khuyết b, khuyết c - Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng giải phương trình	
	42 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố tính chất góc nội tiếp và hệ quả của nó	
	43 (Hình học)	Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây	-Nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung cùng chắn một cung.	
24	50 (Đại số)	Công thức nghiệm phương trình bậc hai.	-Hệ thống hóa kiến thức trọng tâm của chương III và một phần đầu của chương IV	-Cả 02 bài §4 , §5 và phần luyện tập Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Công thức nghiệm của phương trình bậc hai” gồm: 1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai 2. Công thức nghiệm thu gọn. của phương trình bậc hai

	51 (Đại số)	Luyện tập.	-Hệ thống các kiến thức trọng tâm về vị trí tương đối hai đường tròn và các góc liên quan trong đường tròn	
	44 (Hình học)	Luyện tập	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra giữa học kỳ. -Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	
	45 (Hình học)	Góc có đỉnh bên trong đường tròn - Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra giữa học kỳ. -Giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những lỗi điển hình.	
25	52 (Đại số)	Công thức nghiệm phương trình bậc hai (tt)	-Biết được thể nào là công thức nghiệm thu gọn, công thức nghiệm thu gọn có đặc điểm gì . -Xác định được hệ số b' khi cần thiết và nhớ kĩ công thức tính Δ' . -Nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn vào bài tập	
	53 (Đại số)	Luyện tập.	-Củng cố và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn để giải các phương trình có hệ số $b = 2b'$ -Giải được các phương trình, rèn luyện kĩ năng giải phương trình bậc hai một ẩn , kĩ	

			năng nhận biết số nghiệm của phương trình mà không cần giải phương trình đó	
	46 (Hình học)	Luyện tập	Củng cố góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	
	47 (Hình học)	Cung chứa góc	-Hiểu được quỹ tích cung chứa góc, vận dụng cặp mệnh đề thuận và đảo của quỹ tích này để giải toán; -Biết dựng cung chứa góc và biết áp dụng cung chứa góc vào bài toán dựng hình; -Biết trình bày lời giải một bài toán quỹ tích bao gồm phần thuận, phần đảo và kết luận.	Không yêu cầu học sinh thực hiện ?2. Không yêu cầu học chứng minh phần a, b.
26	54 (Đại số)	Hệ thức Vi-et và ứng dụng.	Giải thích được định lí Viét và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...).	-Bài 33 HS tự làm
	55 (Đại số)	Luyện tập.	-Củng cố định lý Vi-ét -Vận dụng hệ thức Vi-ét một cách thành thạo vào việc tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai -Tính tổng và tích của hai nghiệm trong trường hợp có tham số, trong các trường hợp ấy phải biết kiểm tra Δ đảm bảo tồn tại nghiệm -Rèn luyện kỹ năng nhẩm nghiệm, tìm hai	

			số biết tổng và tích của chúng.	
	48 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố quỹ tích cung chứa góc, vận dụng được quỹ tích này để giải toán. -Rèn luyện kỹ năng dựng cung chứa góc - Biết cách trình bày bài giải của một bài toán quỹ tích	
	49 (Hình học)	Tứ giác nội tiếp	- Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lý về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180° . - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông.	3. Định lý đảo: Không yêu cầu chứng minh định lý đảo
27	56 (Đại số)	Ôn tập giữa học kì II	-Củng cố và vận dụng tốt công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai. -Giải được các phương trình, rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn , kỹ năng nhận biết số nghiệm của phương trình mà không cần giải phương trình đó	
	57 (Đại số)	Ôn tập giữa học kì II (tt)	-Củng cố và vận dụng tốt công thức nghiệm để giải các phương trình bậc hai. -Giải được các phương trình, rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn , kỹ năng nhận biết số nghiệm của phương trình mà không cần giải phương trình đó	
	50 (Hình học)	Ôn tập giữa học kì II	-Rèn luyện kỹ năng nhận biết góc giữa	

			một tia tiếp tuyến và một dây cung, áp dụng được định lý về liên hệ giữa số đo của góc với cung bị chắn để giải toán. -Rèn luyện tư duy logic và cách trình bày bài giải .	
	51 (Hình học)	Ôn tập giữa học kì II (tt)	-Nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong đường tròn, góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn -Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn, góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	
28	58 (Đại số)	Kiểm tra giữa học kì II	-Hệ thống hóa kiến thức đồng thời củng cố các kiến thức cũng như bổ sung một số kiến thức mà học sinh chưa nắm vững. -Nắm vững khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và tập nghiệm. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và số nghiệm của hệ. Minh họa hình học của chúng -Rèn luyện kỹ năng về giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế và phương pháp cộng đại số	Phòng thi
	52 (Hình học)	Kiểm tra giữa học kì	-Giải bài toán bằng cách lập hệ pt	Phòng thi

		II	-Hiểu tính chất và dạng đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), hiểu rõ được mối liên quan giữa tính chất hàm số và dạng đồ thị. -Vẽ được đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) -Giải được phương trình bậc hai ở các dạng khuyết và đầy đủ.	
	59 (Đại số)	Trả bài kiểm tra giữa học kì II (phần đại số)	- Cùng cố vị trí tương đối của hai đường tròn -Làm được các bài tập liên quan đường tròn	
	53 (Hình học)	Trả bài kiểm tra giữa học kì II (phần hình học)	-Củng cố các góc liên quan trong đường tròn -Tính được số đo góc, số đo cung, chứng minh đẳng thức,...	
29	60 (Đại số)	Phương trình quy về phương trình bậc hai.	-Có kỹ năng giải phương trình trùng phương; giải phương trình có chứa ẩn ở mẫu; pt tích	
	61 (Đại số)	Luyện tập.	- Biết biến đổi các phương trình về dạng phương trình quen thuộc đã biết cách giải như : Phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình bậc hai một ẩn, phương trình chứa ẩn ở mẫu , phương trình tích. -Rèn luyện kỹ năng giải phương trình cho học sinh.	

	54 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp	
	55 (Hình học)	Đường tròn nội tiếp - Đường tròn ngoại tiếp	-Nhận biết được định nghĩa đường tròn ngoại tiếp tam giác. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông, tam giác đều. -Nhận biết được định nghĩa đường tròn nội tiếp tam giác. -Xác định được tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác	
30	62 (Đại số)	Giải bài toán bằng cách lập phương trình. Độ dài đường tròn - Độ dài cung tròn	-Nắm được các bước để giải bài toán bằng cách lập phương trình : -Biết tìm mối liên hệ các dữ kiện với ẩn đã chọn để lập được phương trình. -Biết trình bày bài giải của một bài toán bậc hai.	
	56 (Hình học)	Độ dài đường tròn - Độ dài cung tròn	-Tính được độ dài cung tròn, đường tròn	-?1 Không yêu cầu HS làm
	57 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn -Áp dụng toán học vào thực tiễn	
	58 (Hình học)	Diện tích hình tròn -	-Tính được diện tích hình tròn, hình quạt	

		Hình quạt tròn	tròn tròn	
31	63 (Đại số)	Luyện tập.	-Củng cố các phương pháp giải toán bằng cách lập phương trình và các phương pháp giải các phương trình đã học. -Ứng dụng thực tế của toán học	
	59 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố công thức tính diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn -Áp dụng toán học vào thực tiễn	
	60 (Hình học)	CHƯƠNG 4: HÌNH TRỤ - HÌNH NÓN – HÌNH CẦU Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ	-Nắm được khái niệm hình trụ, hiểu được các yếu tố của hình trụ như : đáy, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với trục hoặc song song với đáy. -Vẽ được hình trụ	
	61 (Hình học)	Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ (tt)	-Biết được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích hình trụ -Vẽ được hình trụ, vận dụng được các công thức vào bài tập.	
32	64 (Đại số)	Ôn tập chương IV.	-Hiểu rõ hệ thức Vi-ét và vận dụng tốt vào việc tính nhẩm nghiệm, tìm hai số biết tổng và tích của chúng. -Rèn luyện kỹ năng giải toán bằng cách	Bài 66 khuyến khích học sinh tự làm

			lập phương trình. -Các pt quy về pt bậc hai	
	62 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích hình trụ -Vận dụng toán học vào thực tiễn	
	63 (Hình học)	Hình nón- Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích	-Nắm được khái niệm hình nón, các yếu tố của hình nón : Đáy của hình nón, mặt xung quanh, đường sinh, chiều cao, mặt cắt song song với đáy. -Nắm chắc, hiểu và sử dụng thành thạo các công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình nón -Vận dụng được vào trong tính toán.	
	64 (Hình học)	Hình nón- Hình nón cụt Diện tích xung quanh và thể tích (tt)	-Nắm được khái niệm hình nón cụt. -Nắm được công thức tính diện tích xung quanh hình h nón cụt. -Nắm được thể tích hình nón cụt . -Vận dụng được vào trong tính toán.	
33	65 (Đại số)	Ôn tập cuối học kì 2	-Giải hệ pt -Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình	
	65 (Hình học)	Luyện tập	-Củng cố và khắc sâu các công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình	

			nón và hình nón cụt. - Vận dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, thể tích của các hình nón, hình nón cụt. - Vận dụng toán học vào thực tiễn	
	66 (Hình học)	Hình cầu- Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	- Hiểu được khái niệm hình cầu và các yếu tố của hình cầu như : Tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. - Hiểu được các công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu.	
	67 (Hình học)	Luyện tập	- củng cố các công thức tính diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu. - Ứng dụng toán học vào thực tiễn	Bài tập 36,37 không yêu cầu học sinh làm
34	66 (Đại số)	Ôn tập cuối học kì 2 (tt)	- Vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$ - Giải được phương trình quy về phương trình bậc hai - Hệ thức Viét và ứng dụng của nó - Giải bài toán bằng cách lập pt	
	68 (Hình học)	Ôn tập chương IV	- Hệ thống hoá các khái niệm về hình nón, hình trụ, hình cầu. - Hệ thống hoá các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các hình. - Rèn kĩ năng áp dụng công thức vào việc giải toán.	Bài tập 44 không yêu cầu học sinh làm

	69 (Hình học)	Ôn tập cuối học kì 2	- Củng cố kiến thức cơ bản thông qua hệ thống bài tập ôn tập cuối học kì II - Giải bài tập chứng minh, bài tập trắc nghiệm và định lượng.	
	70 (Hình học)	Ôn tập cuối học kì 2 (tt)	- Củng cố kiến thức cơ bản thông qua hệ thống bài tập ôn tập cuối học kì II - Giải bài tập chứng minh, bài tập trắc nghiệm và định lượng.	
35	67 (Đại số)	Kiểm tra học kì II.	-Củng cố kiến thức trọng tâm học kì II đại số	Phòng thi
	71 (Hình học)	Kiểm tra học kì II.	-Củng cố kiến thức trọng tâm học kì II hình học	Phòng thi
	68 (Đại số)	Trả bài kiểm tra cuối năm (phần Đại Số).	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ môn Đại số. -Hướng dẫn HS giải và trình bày chính xác bài làm , rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến ,những lỗi điển hình.	
	72 (Hình học + Đại số)	Trả bài kiểm tra cuối năm (phần hình học)	-Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS thông qua kết quả kiểm tra cuối học kỳ môn Hình học. -Hướng dẫn HS giải và trình bày chính xác bài làm , rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến ,những lỗi điển hình.	

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 10	+ Biết khái niệm căn bậc hai số học của một số, hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ + Biết các qui tắc khai phương một tích, một thương, qui tắc nhân các căn bậc hai, chia hai căn bậc hai. + Biết các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai. + Vận dụng được hằng đẳng thức, các qui tắc vào trong tính toán + Vận dụng được các phép biến đổi đơn giản căn thức bậc hai để thực hiện các phép tính, rút gọn, chứng minh biểu thức chứa căn bậc hai - Vận dụng các hệ thức trong tam giác vuông, định nghĩa tỉ số lượng giác góc nhọn, hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông để giải toán - Biết sử dụng bảng số, máy tính để tính tỉ số lượng giác của góc nhọn cho trước hoặc số đo của một góc nhọn cho trước, hoặc số đo của góc khi biết khi biết tỉ số lượng giác của góc đó - Kỹ năng vẽ hình chính xác	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	-Củng cố kiến thức trọng tâm của chương 1, chương 2 đại số -Củng cố kiến thức trọng tâm của chương 1, chương 2 hình	Kiểm tra viết trên giấy

			học -Rèn luyện kĩ năng vẽ hình và giải bài toán tổng hợp, kĩ năng tính toán, kĩ năng giải bài toán thực tế	
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 28	-Củng cố kiến thức trọng tâm của chương III và một phần đầu của chương IV phần đại số -Củng cố kiến thức trọng tâm về các góc liên quan trong đường tròn, dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp đường tròn -Rèn luyện kĩ năng vẽ hình và giải bài toán tổng hợp, kĩ năng tính toán, kĩ năng giải bài toán thực tế	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	-Củng cố kiến thức trọng tâm học kì II hình học, đại số -Rèn luyện kĩ năng vẽ hình và giải bài toán tổng hợp, kĩ năng tính toán, kĩ năng giải bài toán thực tế	Kiểm tra viết trên giấy

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

3. Các nội dung khác (nếu có):

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán 8: Nguyễn Thanh Trai

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán 7: Nguyễn Thị Lệ

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán 6: Nguyễn Hồng Rin

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tin 8: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tin 9: Phan Nhất Khoa

3.2. Sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học

- Tháng 10: Thầy Nguyễn Hồng Rin
- Tháng 11: Cô Nguyễn Thị Thanh Tuyền
- Tháng 12: Thầy Nguyễn Thanh Trai
- Tháng 02: Thầy Phan Nhất Khoa
- Tháng 03: Cô Phan Thị Mai Loan
- Tháng 04: Cô Nguyễn Thị Lệ

3.3. Hướng dẫn học sinh làm sản phẩm STEM

- Cô Phan Thị Mai Loan
- Thầy Phan Nhất Khoa

3.4. Thi giáo viên giỏi môn Tin:

- Cô: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

3.5. Phụ đạo học sinh yếu:

- Toán 6: Thầy Nguyễn Hồng Rin
- Toán 7: Cô Phan Thị Mai Loan
- Toán 8: Cô Nguyễn Thị Lệ

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

1. Khối lớp:; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện
-----	---------------	--------------------	------------	--------------	-----------------	----------------	-----------------	------------------------

		(2)	(3)	(4)				(8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:; **Số học sinh:.....**

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

3. Khối lớp:; **Số học sinh:.....**

....

(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.

(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.

(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).

(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.

(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.

(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Thanh Trai', with a long horizontal stroke underneath.

NGUYỄN THANH TRAI

Tam Tiến, ngày 17 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Văn Lực

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN TIN HỌC 6
(Năm học: 2023-2024)

1. Đặc điểm tình hình¹:

1.1. Số lớp: 4 lớp ; Số học sinh: 163

- Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 6 ; Trên đại học: 0

- Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 6 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	1 máy/2 HS	Bài 1. Thông tin và dữ liệu Bài 2. Xử lí thông tin Bài 3. Thông tin trong máy tính Bài 4. Mạng máy tính Bài 5. Internet	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt sơ đồ tư duy, phần mềm soạn thảo..	1 máy/2HS	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet Bài 8. Thư điện tử Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	

			Bài 10. Sơ đồ tư duy Bài 11. Định dạng văn bản Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế Bài 14. Hoàn thành sổ lưu niệm.	
4	Máy tính, máy chiếu, giấy khổ rộng, tờ giấy hình vuông để gấp trò chơi, bút chì, bút màu, máy tính cầm tay.	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15. Thuật toán	
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, giấy, bút, thước kẻ.	1 máy tính + máy chiếu	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	
6	Máy tính, máy chiếu, một số bức tranh đơn giản về đồ họa, phần mềm lập trình trực quan Scratch	1 máy/2HS	Bài 17. Chương trình máy tính	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Thực hành gửi thư bằng email	
2	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ sơ đồ tư duy	
3	Phòng bộ môn Tin học	01	Giải thuật toán	

2. Kế hoạch dạy học²:

HỌC KỲ I: 18 tuần x 1 tiết: 18 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học. Lưu ý cách thực hiện
Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng				
1	1	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì? - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. - Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.	- Phòng học, phòng máy
2	2	Bài 2. Xử lí thông tin	- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	- Phòng học, phòng máy
3	3	Bài 3. Thông tin trong máy tính	- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. - Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...	- Phòng học, phòng máy
4	4	Bài 3. Thông tin trong máy tính (tt)		- Phòng học, phòng máy
Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet				
5	5	Bài 4. Mạng máy tính	Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống.	- Phòng học, phòng máy tính
6	6	Bài 4. Mạng máy tính (tt)	- Kể được các thành phần chính của một mạng máy	- Phòng học, phòng máy

			tính. - Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng	tính
7	7	Bài 5. Internet	- Biết Internet là gì. - Nêu được một số đặc điểm chính của Internet. - Nêu được một số lợi ích chính của Internet	- Phòng học, phòng máy tính
Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin				
8	8	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước. - Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị thông minh có kết nối internet tìm hiểu về mạng toàn cầu
9	9	Ôn tập giữa học kỳ 1	- Ôn tập lại kiến thức đã học để kiểm tra giữa kì từ bài 1 đến bài 4	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị thông minh có kết nối internet để tìm hiểu mạng máy tính
10	10	Kiểm tra giữa kì 1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị thông minh có kết nối internet, nếu không có thiết bị ở nhà thì đến trường thực hành
Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin(TT)				

11	11	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu (tt)	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước. - Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị thông minh có kết nối internet tìm hiểu về mạng toàn cầu
12	12	Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet	- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước. - Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.	- Phòng máy tính có kết nối mạng
13	13	Bài 8. Thư điện tử	- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác. - Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử. - Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.	- Phòng máy tính có kết nối mạng
14	14	Bài 8. Thư điện tử (tt)		- Phòng máy tính có kết nối mạng
Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số				
15	15	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. - Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa - Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân cả tập thể. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị thông minh có kết nối internet về cách bảo vệ thông tin cá nhân và thực hành trao đổi thông tin trên mạng
16	16	Bài 9. An toàn TT trên Internet (tt)	- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.	- Tổ chức hướng dẫn để học sinh thực hành trên máy tính hoặc thiết bị

			- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.	thông minh có kết nối internet về cách bảo vệ thông tin cá nhân và thực hành trao đổi thông tin tên mạng
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.	- Phòng học hoặc phòng máy
18	18	Kiểm tra cuối học kỳ I	- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	- Viết (trên giấy) - Hoặc thực hành trên máy

HỌC KỲ II: 17 tuần x 1 tiết: 17 tiết

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/bài học	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm dạy học. Lưu ý cách thực hiện
Chủ đề 5. Ứng dụng tin học				
19	19	Bài 10. Sơ đồ tư duy (Giao nhiệm vụ dự án. Sổ lưu niệm)	- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.	- Phòng học, phòng máy
20	20	Bài 10. Sơ đồ tư duy (tt)	- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. - Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.	- Phòng học, phòng máy
21	21	Bài 11. Định dạng văn bản	- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.	- Phòng học, phòng máy
22	22	Bài 11. Định dạng văn bản (tt)	- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản. - Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.	- Phòng học, phòng máy
23	23	Bài 12. Trình bày TT dạng bảng	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng.	- Phòng học, phòng máy
24	24	Bài 12. Trình bày TT dạng bảng(tt)	- Biết cách tạo và định dạng bảng. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.	- Phòng học, phòng máy
25	25	Bài 13. TH: Tìm kiếm và thay thế	- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. - Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản.	- Phòng học, phòng máy
26	26	Bài 14. THPT: Hoàn thành sổ lưu niệm (<i>Báo cáo kết quả BT dự án</i>)	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh	- Phòng học, phòng máy
27	27	Ôn tập giữa học kỳ 2	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung - GV cho ví dụ và hướng dẫn thuyết trình mẫu trước lớp - GV phát phiếu học tập (yêu cầu các mục thực hiện) + Tìm kiếm thông tin và hình ảnh liên quan chủ đề + Tạo bài báo cáo (theo các mục yêu cầu trong phiếu	- Phòng học, phòng máy

			học tập) + Gửi Email cho giáo viên <i>Ôn tập kiến thức cũ để đã học</i>	
28	28	Kiểm tra giữa học kỳ 2	- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	- Viết (trên giấy) - Hoặc thực hành trên máy
Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính				
29	29	Bài 15. Thuật toán	- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán. - Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán	- Phòng học, phòng máy tính
30	30	Bài 15. Thuật toán (tt)	- Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Tạo được sơ đồ khối	- Phòng học, phòng máy tính
31	31	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	- Biết các cấu trúc: + Cấu trúc tuần tự + Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ + Cấu trúc lặp	- Phòng học, phòng máy tính
32	32	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển (tt)	- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.	- Phòng học, phòng máy tính
33	33	Bài 17. Chương trình máy tính	- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu". - Thực hiện được chương trình trên máy tính	- Phòng học, phòng máy tính
34	34	Ôn tập cuối học kỳ 2	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.	- Phòng học, phòng máy tính

35	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	- Viết (trên giấy) - Hoặc thực hành trên máy
----	----	------------------------	--	---

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TIN HỌC, KHỐI LỚP 7
(Năm học 2023- 2024)

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 4 ; Số học sinh: 147;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6; Trình độ đào tạo: Đại học: 06 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ³: Tốt: 06 ; Khá:; Đạt:; Chưa đạt:

1.3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	1 máy/2 HS	Bài 1: Thiết bị vào – ra Bài 2: Phần mềm máy tính Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet Bài 5: Ứng xử trên mạng	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt như: phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu	1 máy/2HS	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	

³ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

			Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán Bài 9: Trình bày bảng tính Bài 10: Hoàn thiện bảng tính Bài 11: Tạo bài trình chiếu Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu Bài 13: Thực hành tổng hợp	
4	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, phần mềm mô phỏng thuật toán tìm kiếm tuần tự...	1 máy tính + máy chiếu	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, tấm thẻ ghi con số dùng cho hoạt động mô phỏng thuật toán tìm kiếm nhị phân...	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	
6	Máy tính, máy chiếu, giấy A4, bút dạ...	1 máy/2HS	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	

1.4. Phòng học bộ môn/ phòng thí nghiệm/ phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (*Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/ phòng bộ môn/ phòng đa năng/ sân chơi/ bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/ hoạt động giáo dục*)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Thực hành gửi thư bằng email	
2	Phòng bộ môn tin học	01	Tính toán trên bảng tính và tạo phần mềm trình chiếu	
3	Phòng bộ môn tin học	01	Giải thuật toán	

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đề/Bài học	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng	
1	1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau. - Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. - Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính. - Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.
2	2	Bài 2: Phần mềm máy tính	- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành. - Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. - Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. - Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.
3	3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. - Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus...
4	4	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính (TT)	-Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...
		Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	
5	5	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. - Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã

			- hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.
6	6	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet (thực hành)	- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Thao tác thành thạo tạo tài khoản trên mạng xã hội.
Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số			
7	7	Bài 5: Ứng xử trên mạng	-Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa. - Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi. - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.
		Chủ đề 4: : Ứng dụng tin học	
8	8	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính (giao nhiệm vụ theo dự án)	-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính. - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột. -Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.
9	9	Ôn tập giữa học kỳ 1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
10	10	Kiểm tra giữa kì 1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
11	11	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	-Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng

			công thức. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu.
12	12	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính (TT)	-Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.
13	13	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	-Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như:MAX, MIN,SUM, AVERAGE, COUNT...
14	14	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán (TT)	-Thao tác thành thạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
15	15	Bài 9: Trình bày bảng tính	-Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.
16	16	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính	- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án. - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	18	Kiểm tra cuối học kỳ I	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
		Chủ đề 4 : Ứng dụng tin học	

19	19	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
20	20	Bài 11: Tạo bài trình chiếu (T/h)	-Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
21	21	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí.
22	22	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu (T/h)	-Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
23	23	Bài 13: Thực hành tổng hợp	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí.
24	24	Bài 13: Thực hành tổng hợp: hoàn thiện bài trình chiếu (báo cáo theo dự án)	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu. - Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
		Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	
25	25	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự.
26	26	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
27	27	Ôn tập giữa học kỳ 2	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
28	28	Kiểm tra giữa học kỳ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
		Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	
29	29	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm

			kiểm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
30	30	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	-Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.
31	31	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.
32	32	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	-Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
33	33	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
34	34	Ôn tập cuối học kỳ 2	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
35	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

2.2. Bảng chi tiết theo chủ đề/bài học

STT	Tiết	Chủ đề/Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng	4	

1	1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	1	-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau. - Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. - Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính. - Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.
2	2	Bài 2: Phần mềm máy tính	1	- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành. - Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. - Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. - Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.
3	3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	2	- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. - Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus... -Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...
4	4			
		Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	2	
5;6	5;6	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	2	-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. - Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.
		Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	3	

7	7	Bài 5: Ứng xử trên mạng	1	-Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa. - Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi. - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.
		Chủ đề 4: : Ứng dụng tin học	9	
8	8	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính	1	-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính. - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột. -Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.
9	9	Ôn tập giữa kì 1	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
10	10	Kiểm tra giữa kì 1	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
11	11	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	2	-Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu. -Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.
12	12			

13	13	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	2	-Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như:MAX, MIN,SUM, AVERAGE, COUNT...
14	14			-Thao tác thành tạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
15	15	Bài 9: Trình bày bảng tính	1	-Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.
16	16	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính	1	-Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án. - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	18	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
		Chủ đề 4 : Ứng dụng tin học	6	
19	19	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	2	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
20	20			-Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
21	21	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	2	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
22	22			- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.

				- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí. - Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
23	23	Bài 13: Thực hành tổng hợp	2	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí. - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu. - Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
24	24			
		Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	4	
25	25	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	2	- Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
26	26			
27	27	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
28	28	Kiểm tra giữa học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
		Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	7	
29	29	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	2	- Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. - Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.
30	30			

31	31	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	2	-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ. -Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
32	32			
33	33	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	1	
34	34	Ôn tập cuối học kỳ 2	1	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
35	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

2.3. Ôn tập cuối học kỳ

Ôn tập	Số tiết (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Cuối Học kỳ 1	1	Tuần 18	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.

Cuối Học kỳ 2	1	Tuần 35	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
---------------	---	---------	---

(1) Số tiết ôn tập.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện ôn tập.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm ôn tập (theo phân phối chương trình).

2.4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

			Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	
--	--	--	--	--

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, KHỐI LỚP 8
(Năm học 2023 - 2024)

- I. Đặc điểm tình hình
1. Số lớp: 3 lớp. Tổng số học sinh: 120.

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 06; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 06; Trên đại học: 0;
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ⁴: Tốt: 06; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	25	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 8	01	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 8	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
Khối 8				
1		02	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	
2		01	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	
3		01	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	
4		01	Bài 7. Trực quan hoá dữ liệu	
5		01	Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	
6		01	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	
7		01	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	
8		01	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	

⁴ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

9		01	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	
10		01	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	
11		01	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	
12		01	Bài 15. Gỡ lỗi	

II. Kế hoạch dạy học⁵

1. Phân phối chương trình

* Môn học: Tin học 8

STT (1)	Bài học (2)	Tiết PPCT	Số tiết (3)	YCCĐ (4)
HỌC KỲ 1				
CD 1. Máy tính và cộng đồng				
1.	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	1	1 (1, 0)	- Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính. - Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.
CD 2. Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm và trao đổi thông tin				
2.	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	2, 3	2 (2, 0)	–Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lý hiệu quả. –Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.
3.	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	4,5	2 (0, 2)	–Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lý và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa. –Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể). –Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.

⁵ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

CD 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá				
4.	Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số	6	1 (1, 0)	– Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,... – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.
CD 4. Ứng dụng Tin học. Xử lý và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử				
5.	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	7,8	2 (1, 1)	– Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức. – Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. – Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính.
6.	Ôn tập GHK1	9	1 (1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
7.	Kiểm tra GHK1	10	1	
8.	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	11, 12	2 (1, 1)	– Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu. – Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu. – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính.
9.	Bài 7. Trực quan hoá dữ liệu	13, 14	2 (1, 1)	– Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ. – Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính.

CD 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao				
10.	Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	15, 16	2 (1, 1)	–Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co giãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê.
11.	Ôn tập HK1	17	1 (1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.
12.	KT HK1	18	1 (0.5,0.5)	- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
HỌC KỲ 2				
CD 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)				
13.	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	19	1 (1, 0)	–Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản.
14.	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	20, 21	2 (1, 1)	–Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung. –Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.
15.	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	22, 23	2 (1, 1)	–Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu. –Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. –Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế.
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính				
16.	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	24, 25	2 (1, 1)	–Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. –Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.
17.	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	26	1 (1, 0)	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
18.	Ôn tập GHK2	27	1(1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.
19.	KT GHK2	28		- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)				
20.	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu (tt)	29	1(0, 1)	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.

21.	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	30, 31	2 (1, 1)	Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan.
22.	Bài 15. Gỡ lỗi	32	1 (0, 1)	Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình.
CD 6. Hướng nghiệp với Tin học				
23.	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	33	1 (1, 0)	–Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc. –Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học. –Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh họa.
24.	Ôn tập HK2	34	1 (1, 0)	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
25.	KTHK2	35	1	

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
KHỐI 8				
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.	Viết

			- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.	(trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kỳ 1. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kỳ 2 đến thời điểm hiện tại. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kỳ 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

- (3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).
- (4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

-Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tin 8: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

3.2. Sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học

-Tháng 11: Cô Nguyễn Thị Thanh Tuyền

-Tháng 03: Cô Nguyễn Thị Thanh Tuyền

3.3. Thi giáo viên giỏi môn Tin:

-Cô: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

3.4. Phụ đạo học sinh yếu:

II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

1. Khối lớp:; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								

2								
...								

3. Khối lớp:; Số học sinh:.....

....

- (1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
- (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
- (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
- (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
- (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
- (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
- (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN THANH TRAI

Tam Tiến, ngày 17 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Văn Lực

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP LỚP 6
Năm học 2023 – 2024

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 4 ; Số học sinh: 163; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 07 ; Trình độ đào tạo: Đại học: 05; Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 05.

1.3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Tranh ảnh về thiên tai, biến đổi khí hậu,	10	- Cho học sinh tìm hiểu về nội dung các chủ đề hoạt động giáo dục.	
2	Bài giảng điện tử	15	- Dạy các bài, chủ đề	
3	Video về cảnh quan thiên nhiên VN	5	- Cho học sinh quan sát tìm hiểu, làm bài tập	
4	Bộ dụng cụ lao động sân trường	18	- HS thực hành ngoại khóa	
5	Bộ thẻ nghề truyền thống	0	- Tìm hiểu nghề truyền thống	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập.

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường	01	- Các hoạt động dạy học ngoại khóa hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	

II. Kế hoạch dạy học.

1. Phân phối chương trình (Học kì I)

TT	Chủ đề/ Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường SHDC: Lễ khai giảng năm học mới.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được ý nghĩa của ngày khai giảng - Thể hiện được cảm xúc vui vẻ, hào hứng, tự hào, có ấn tượng tốt đẹp về ngày khai giảng. - Rèn sự tự tin, ý thức tổ chức kỉ luật, kĩ năng lắng nghe tích cực, phát triển phẩm chất trách nhiệm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học b. Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
2	SHTCD: Lớp học mới của em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Kể được tên các bạn trong lớp, trong tổ và tên các thầy, cô giáo dạy lớp mình; - Nêu được những việc nên làm và không nên làm với bạn bè, thầy cô để giữ gìn tình bạn, tình thầy trò; c. Biết cách thiết lập được mối quan hệ thân thiện với bạn bè, thầy cô; 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kĩ năng thiết lập quan hệ thân thiện với bạn bè, kính trọng thầy cô, kĩ năng làm chủ cảm xúc, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, ý tưởng,...; sự tự tin, thiện chí; phẩm chất nhân ái. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
3	SHL:Xây dựng nội quy lớp học.	01	1. Kiến thức - Sơ kết tuần học và xây dựng được kế hoạch tuần mới - Ghi nhớ được các nội quy nhà trường và nội quy lớp học. - Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện cam kết nội quy lớp học, trường học.

			- Nêu được những hành động, lời nói đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện với bạn bè, thầy cô - Thể hiện được tình cảm yêu thương, thân thiện với bạn bè, thầy cô. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
4	SHDC: Tìm hiểu truyền thống nhà trường.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy truyền thống nhà trường. - Rèn kĩ năng chú ý lắng nghe, kĩ năng thuyết trình, tự giác tham gia các hoạt động; phẩm chất trách nhiệm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
5	SHTCD: Truyền thống trường em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường; - Chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Tham gia các hoạt động phát huy truyền thống của nhà trường. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
6	SHL: Giới thiệu truyền thống nhà trường.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần học và triển khai kế hoạch tuần mới.

			- Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường. - Nêu được những việc sẽ làm để góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống nhà trường; - Thể hiện được cảm xúc tích cực của bản thân đối với truyền thống nhà trường; 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thuyết trình. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
7	SHDC: Đăng kí tuần học tốt, tháng học tốt.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Tự ý thức được trách nhiệm của bản thân, tự giác cố gắng phấn đấu, rèn luyện, điều chỉnh bản thân phù hợp với yêu cầu thi đua của trường, lớp; 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng tự học, phối hợp trong công việc, tổ chức hoạt động. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ.
8	SHTCD: Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường mới.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Kể được những khó khăn của bản thân trong môi trường học tập mới. - Nêu được những việc đã làm và nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện trong môi trường học tập mới. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			+ Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng,... 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
9	SHL: Xây dựng cam kết thi đua của tổ, lớp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần và xây dựng kế hoạch tuần mới - Xây dựng được cam kết thi đua của tổ, lớp -Nêu được những điều đã rèn luyện theo kế hoạch rèn luyện bản thân. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
10	SHDC: Phòng chống bạo lực học đường.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được các hình thức bạo lực học đường có thể xảy ra và ảnh hưởng của bạo lực học đường đối với cá nhân, lớp học và nhà trường. - Thể hiện quan điểm, thái độ không đồng tình với hành vi bạo lực học đường. - Đề xuất được các biện pháp phòng tránh bạo lực học đường và xây dựng trường học thân thiện. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
11	SHTCD: Em và các bạn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được tình bạn là một khía cạnh tình cảm quan trọng đối với lứa tuổi THCS

			nên cần phải giữ gìn. - Nhận diện, xác định được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. - Giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong tình bạn một cách tích cực, mang tính xây dựng 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, làm chủ cảm xúc, lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng thể hiện sự thiện chí trong tình bạn,... 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
12	SHL: Xây dựng quy tắc ứng xử để tạo môi trường, lớp học thân thiện, an toàn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Xây dựng được quy tắc ứng xử để tạo môi trường lớp học an toàn, thân thiện. - Nêu được những cách giải quyết mâu thuẫn với bạn theo hướng tích cực, thân thiện. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
13	Chủ đề 2: Khám phá bản thân SHDC: Chăm ngoan học giỏi.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết được sự cần thiết phải chăm ngoan, học giỏi và rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan, học giỏi là cách để phát triển bản thân. - Chia sẻ được các biện pháp rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan, học giỏi. - Có động lực thực hiện các biện pháp rèn luyện để trở thành HS chăm ngoan, học giỏi. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			+ Rèn kĩ năng lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, sự tự tin, đồng thời góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề,... 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
14	SHTCĐ: Em đã lớn hơn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được những thay đổi về thể chất và tinh thần của bản thân. - Nhận biết được những thay đổi tích cực của bản thân và những điều bản thân cần khắc phục, thay đổi theo hướng tích cực. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng,... góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác,... 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
15	SHL: Em đã lớn hơn.	01	1.Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được những thay đổi về thể chất và tinh thần của bản thân - Nhận biết được những thay đổi tích cực của bản thân và những điều bản thân cần khắc phục, thay đổi theo hướng tích cực 2.Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng,... góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác,... 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
16	SHDC: Kể chuyện về tấm gương đạo đức HCM.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Học tập tấm gương đạo đức của Bác Hồ, điều chỉnh bản thân để trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt; Kính yêu Bác Hồ.

			2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; phẩm chất tự tin, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
17	SHTCD: Đức tính, đặc trưng của em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được đức tính đặc trưng của bản thân - Giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân - Xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện những đức tính cần thiết 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng lắng nghe tích cực, kĩ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kĩ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch; phẩm chất trung thực, trách nhiệm, ... 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
18	SHL: Đức tính, đặc trưng của bạn, của tôi.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Biết được đức tính đặc trưng của các bạn trong lớp để có thể đoán đúng được tên bạn - Thể hiện được tình cảm quý trọng đối với cô và các bạn nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 qua biểu diễn các tiết mục văn nghệ. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

19	SHDC: Chúng ta cùng tài giỏi.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân - Mạnh dạn, tự tin thể hiện khả năng của mình và biết học hỏi bạn bè 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, nhân ái, tự tin. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
20	SHTCD: Sở thích và khả năng của em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Phát hiện và nêu được sở thích của bản thân, tự tin thể hiện sở thích của mình. - Phát hiện và nêu được khả năng của bản thân, tự tin thể hiện khả năng của mình. - Tiếp tục rèn luyện, phát triển khả năng và sở thích của bản thân. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, sự tự tin, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng,... góp phần hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác,... và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm... 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
21	SHL: Thể hiện sở thích, khả năng của bản thân.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Chia sẻ được sản phẩm làm theo nhóm cùng sở thích, khả năng. - Chia sẻ được việc rèn luyện để phát triển khả năng và sở thích của bản thân.

			2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
22	SHDC: Tình bạn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, cảm thông và tôn trọng bạn bè. - Biết giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kỹ năng hợp tác, thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
23	SHTCD: Những giá trị của bản thân.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được thế nào là giá trị của một người. - Phát hiện được những giá trị của bản thân. - Biết giữ gìn và phát huy những giá trị của bản thân. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác; phẩm chất trung thực, trách nhiệm. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
24	SHL: Giá trị của tôi, giá trị của bạn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần

			- Chia sẻ được ý kiến chân thực về những giá trị đã thực sự chi phối hành động, hành vi của bản thân. - Bày tỏ thái độ tôn trọng những giá trị chung và giá trị riêng của từng người. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
25	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân. SHDC: Khỏe và đẹp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được sự cần thiết phải rèn luyện thân thể để trở nên khỏe và đẹp, thể hiện sự quý trọng bản thân. - Biết cách rèn luyện để trở nên khỏe và đẹp. - Tự tin thể hiện vẻ đẹp của mình qua biểu diễn trang phục; Tích cực tham gia các trò chơi rèn luyện thể lực. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Góp phần hình thành năng lực thích ứng, năng lực thiết kế và tổ chức, đánh giá hoạt động. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
26	SHTCD: Tự chăm sóc bản thân.(tiết 1)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được những việc cần làm để chăm sóc bản thân về mọi mặt: thể chất, tinh thần, đáng về bên ngoài. - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện được các công việc chăm sóc bản thân. - Góp phần phát triển các phẩm chất chung như: trung thực, trách nhiệm... 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			+ Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng hợp tác; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
27	SHL: Tự chăm sóc bản thân.(tiết 2)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Chia sẻ được những điều học được về cách chăm sóc bản thân, đồng thời, kể được những điều đã thay đổi theo hướng tích cực trong việc chăm sóc bản thân. - Tích cực tham gia tập dân vũ để biểu diễn. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
28	SHDC: Vì sức khỏe học đường	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được tầm quan trọng của việc rèn luyện sức khỏe học đường. - Xác định được mục tiêu rèn luyện sức khỏe dưới những hình thức khác nhau. - Tích cực tham gia các hình thức thể dục, thể thao được nhà trường tổ chức và có ý thức tự giác rèn luyện sức khỏe ở nhà kết hợp với ăn uống hợp lý. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> - Thấy được mục tiêu rèn luyện sức khỏe dưới những hình thức khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
29	SHTCĐ: Kiểm tra giữa kì I	01	1. Kiến thức: -Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ.
30	SHL: Kiểm tra giữa kì I	01	<i>b. Năng lực riêng:</i> vận dụng làm các bài tập đã học

			3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
31	SHDC: Tham gia giao thông an toàn.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Có những hiểu biết cơ bản về an toàn khi tham gia giao thông. - Tuân thủ pháp luật giao thông để tự bảo vệ bản thân khi tham gia giao thông. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức hoạt động, hợp tác, làm việc nhóm. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
32	SHTCD: Ứng phó với thiên tai (tiết 1)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai. - Nêu được và biết cách tự bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề, thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
33	SHL: Tự bảo vệ bản thân trong một số tình huống thiên tai cụ thể.	01	1. Kiến thức. Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những việc đã tham gia, những điều đã học hỏi được và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia chủ đề “Tham gia giao thông an toàn” ở trường và chủ đề “ứng phó với thiên tai” ở lớp. - Trình bày được kết quả tìm hiểu một số loại thiên tai ở địa phương và cách ứng phó với

			thiên tai. - Tự tin tham gia giao lưu văn nghệ với các bạn trong lớp. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
34	SHDC: Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, trong thiên tai để tìm cách ứng phó. - Biết giải quyết các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng quan sát, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, biết tìm kiếm sự giúp đỡ. + Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức hoạt động. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
35	SHTCD: Ứng phó với thiên tai (tiết 2)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Vận dụng, củng cố kiến thức, kinh nghiệm mới về ứng phó với một số tình huống thiên tai cụ thể, phổ biến. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
36	SHL: Đảm bảo an toàn trong một số tình huống nguy hiểm và thiên tai.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần

			- Nêu được những điều đã học hỏi được về cách ứng phó với các tình huống nguy hiểm và mô tả được những việc đã tham gia ở trường, gia đình, cộng đồng để ứng phó với một số tình huống thiên tai. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
37	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân SHDC: Nhiệm vụ đội viên.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được ba nhiệm vụ đội viên cần thực hiện. - Biết điều chỉnh bản thân phù hợp với nhiệm vụ đội viên, thực hiện tốt Năm điều Bác Hồ dạy, rèn luyện để trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực hợp tác và giao tiếp, thiết kế và tổ chức hoạt động; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, yêu nước. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm. Mạnh dạn, tự tin trong công việc và hình thành những thói quen tốt.
38	SHTCĐ: Góc học tập của em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết cách sắp xếp và sắp xếp được góc học tập gọn gàng, ngăn nắp. - Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			+ Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
39	SHL: Sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những điều đã học hỏi được sau khi tham gia diễn đàn “Nhiệm vụ đội viên” Ở trường. - Trình bày được những việc đã làm để sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
40	SHDC: Vệ đẹp đội viên.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được trách nhiệm và các yêu cầu của đội viên. - Có ý thức tự rèn luyện bản thân để xây dựng tổ chức Đội, góp phần xây dựng trường học thân thiện. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
41	SHTCD: Sắp xếp nơi ở của em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết cách sắp xếp và sắp xếp được nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng:

			+ Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hợp tác, tính ngăn nắp, gọn gàng. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
42	SHL: Sắp xếp nơi ở gọn gàng, ngăn nắp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những việc đã làm ở gia đình để nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Tự tin, hứng thú tham gia sinh hoạt văn nghệ với các bạn trong lớp. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
43	SHDC: Giao tiếp trên mạng xã hội.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết giao tiếp, ứng xử đúng, văn minh trên mạng xã hội. - Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thích ứng với những thay đổi của cuộc sống, sử dụng mạng xã hội hợp lí, không lạm dụng, không lãng phí thời gian cho mạng xã hội. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thích ứng với những thay đổi của cuộc sống, sử dụng mạng xã hội hợp lí, không lạm dụng, không lãng phí thời gian cho mạng xã hội. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
44	SHTCD: Giao tiếp phù hợp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được những tình huống giao tiếp phù hợp hoặc chưa phù hợp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

			2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tự nhận thức bản thân, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác; phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
45	SHL:Giao tiếp trên mạng xã hội và giao tiếp phù hợp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Chia sẻ được những điều nên và không nên trong giao tiếp trên mạng xã hội. - Nhận diện và kể được những cách giao tiếp phù hợp, chưa phù hợp còn tồn tại trong lớp. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
46	SHDC:Người tiêu dùng thông minh.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Hiểu được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính trong cuộc sống. - Xác định được những khoản chi tiêu cần thiết khi số tiền của mình hạn chế. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Phát triển năng lực tự chủ, rèn thói quen tiết kiệm, rèn kỹ năng lập kế hoạch, xác định mục tiêu; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
47	SHTCD: Chi tiêu hợp lý.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Xác định được những khoản chi tiêu ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.

			- Biết cách chỉ tiêu tiết kiệm. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng ra quyết định, thói quen tiết kiệm; góp phần phát triển năng lực tự chủ. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
48	SHL: Yêu thương và chia sẻ.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Kể được việc sử dụng tiền hợp lý và những thói quen chi tiêu chưa tiết kiệm đã thay đổi của bản thân. - Tích cực tham gia chuẩn bị triển lãm tranh, ảnh với chủ đề “Yêu thương và chia sẻ. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
49	Chủ đề 5: Em với gia đình. SHDC: Động viên chăm sóc người thân trong gia đình	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Động viên chăm sóc người thân trong gia đình. - Biết cách ứng phó, giải quyết các vấn đề nảy sinh. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kỹ năng tổ chức, thiết kế hoạt động, tự đánh giá; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
50	SHTCD: Tình cảm gia đình.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được hành động, lời nói thể hiện sự quan tâm, động viên, chăm sóc người thân

			trong gia đình. - Xác định và thực hiện được những lời nói, hành động để động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Đưa ra được lời khuyên cho các bạn về hành động và lời nói thể hiện sự động viên chăm sóc người thân. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng lắng nghe, trình bày ý tưởng. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
51	SHL:Giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những hành động, lời nói đã thực hiện để động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; - Chủ động, tự giác động viên, chăm sóc người thân trong gia đình; - Thể hiện trách nhiệm, tích cực tham gia thảo luận và hợp tác thực hiện nhiệm vụ. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm
52	SHDC: Kỹ năng giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình.	01	1.Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Phân tích được nguyên nhân xảy ra các vấn đề trong gia đình. - Biết cách ứng phó, giải quyết các vấn đề nảy sinh. 2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng:

			+ Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng tổ chức, thiết kế hoạt động, tự đánh giá; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
53	SHTCD: Kiểm tra cuối kì I	01	1.Kiến thức: - Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra 2. Năng lực a.Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. b.Năng lực riêng: vận dụng làm các bài tập đã học 3. Phẩm chất : - Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
54	SHL: Kiểm tra cuối kì I	01	3. Phẩm chất : - Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2.Phân phối chương trình (Học kì II)

TT	Chủ đề/ Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 5: Em với gia đình SHDC: Hội chợ quê.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước qua các món ăn truyền thống, các trò chơi dân gian, các bài hát về quê hương... 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng tự tin, tự chủ, năng lực giao tiếp, hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, yêu quê hương, đất nước.
2	SHTCD:Em làm việc nhà.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được những việc nhà em đã chủ động, tích cực tự giác làm để giúp đỡ gia đình. - Tự giác, chủ động, tích cực làm việc nhà phù hợp với lứa tuổi. - Thể hiện được sự chủ động, tự giác trong công việc; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

			b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
3	SHL: Chủ động tự giác làm việc nhà.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - HS nêu được những việc nhà phù hợp với khả năng bản thân đã chủ động, tự giác tham gia ở gia đình. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
4	SHDC:Khéo tay – hay làm.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Thể hiện sự khéo tay qua các công việc trong gia đình như: nấu ăn, trang trí nhà cửa,... - Thực hiện được một số việc trong gia đình bằng đôi bàn tay khéo léo. - Có ý thức làm các công việc trong gia đình; biết quan tâm đến mọi người, mọi việc trong gia đình; biết quý trọng những sản phẩm do mình làm ra. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
5	SHTCD: Em làm việc nhà.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Trình bày được bí quyết làm việc nhà; - Hiểu rõ hơn cách làm tốt một số việc nhà. - Xử lý các tình huống để giải quyết việc nhà

			2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề. b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
6	SHL:Thể hiện khéo tay, hay làm; những việc nhà đã chủ động tự giác thực hiện.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Chia sẻ được những việc đã tham gia và cảm xúc của bản thân sau khi tham gia ngày hội Khéo tay - Hay làm; - Nêu được những việc nhà em đã chủ động, tự giác thực hiện và cách khắc phục tính ngại làm một số việc nhà. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
7	Chủ đề 6: Em với cộng đồng SHDC: Mừng Đảng, mừng xuân.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - củng cố niềm tin yêu Đảng, niềm tự hào về quê hương, đất nước, về mùa xuân của dân tộc. - Lạc quan, yêu đời; tích cực học tập và rèn luyện để lập thành tích mừng Đảng, mừng xuân. - Phát huy tiềm năng văn nghệ; biết thêm nhiều bài hát ca ngợi Đảng, ca ngợi quê hương, đất nước và mùa xuân. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động, giao tiếp và hợp tác. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, yêu quê hương, đất nước.

8	SHTCD: Thiết lập quan hệ với cộng đồng. (TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH TAI NẠN BOM MÌN, VẬT NỔ)	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nêu được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng; -Thực hiện được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng. - Tích hợp giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn, vật nổ: - Trình bày được đặc điểm của một số bom mìn, vật nổ và các tình huống nguy hiểm, hậu quả của tai nạn bom mìn, vật nổ đối với trẻ em. - Tránh xa bom mìn và vật nổ. + Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bao gồm những người bị thương tật do tai nạn bom mìn. + Tham gia các hoạt động thiện nguyện ở trường, lớp, nơi cư trú trong đó có các hoạt động đối với người khuyết tật do tai nạn bom mìn, vật nổ. + Tìm hiểu và chia sẻ về một hoàn cảnh khó khăn ở trường hoặc địa phương đang cần được giúp đỡ, trong đó bao gồm những người bị thương tật do tai nạn bom mìn. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
9	SHL:Mừng Đảng, mừng xuân; những hoạt động chung với các bạn hàng xóm.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Tích cực, hào hứng tham gia văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân. -Nêu được hoạt động chung đã thực hiện với những người bạn hàng xóm. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

10	SHDC:Hưởng ứng chương trình nhân đạo “Lá lành đùm lá rách”.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Hiểu được quyền góp, ủng hộ những người gặp khó khăn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.. - Biết cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, hình thành phẩm chất nhân ái. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
11	SHTCD: Em tham gia hoạt động thiện nguyện.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng thông qua việc sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. - Tích hợp giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn , vật nổ - Nêu được cách xử lí/ ứng phó với một số tình huống nguy hiểm liên quan đến bom mìn, vật nổ. - Thực hành được cách xử lí/ ứng phó khi gặp tình huống liên quan đến bom mìn, vật nổ. + Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bao gồm những người bị thương tật do tai nạn bom mìn. + Tham gia các hoạt động thiện nguyện ở trường, lớp, nơi cư trú trong đó có các hoạt động đối với người khuyết tật do tai nạn bom mìn, vật nổ. + Tìm hiểu và chia sẻ về một hoàn cảnh khó khăn ở trường hoặc địa phương đang cần được giúp đỡ, trong đó bao gồm những người bị thương tật do tai nạn bom mìn. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
12	SHL: Tham gia hoạt động thiện nguyện.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
13	SHDC: Vẽ tranh tuyên truyền “Vì một cộng đồng văn minh”.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức rõ hơn về tác động, ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng nói chung và sức khỏe học đường nói riêng, giúp các em tiếp tục có ý thức bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng. - Góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát huy năng khiếu hội họa. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
14	SHTCD: Hành vi có văn hóa nơi công cộng.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được những hành vi văn hóa cần có ở nơi công cộng; - Đánh giá được những hành vi của bản thân và mọi người ở nơi công cộng. - Thực hiện được hành vi có văn hóa ở nơi công cộng. - Nhắc nhở mọi người cùng thực hiện hành vi văn hóa nơi công cộng. - Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng.

			2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
15	SHL:Thực hiện hành vi có văn hóa nơi công cộng.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những hành vi văn hoá bản thân đã thực hiện ở nơi công cộng. - Nêu được những hành vi ở nơi công cộng bản thân đã thay đổi theo hướng tích cực. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
16	SHDC:Ngày hội văn hóa dân gian.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết một số trò chơi dân gian, thêm yêu quê hương, đất nước - Tăng cường sự đoàn kết, giao lưu với các lớp trong toàn trường. - Rèn kĩ năng tổ chức trò chơi, kĩ năng quản lí. - Tuân thủ luật chơi và hợp tác làm việc nhóm, giáo dục tinh thần trách nhiệm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
17	SHTCD:Truyền thống quê em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được những truyền thống tốt đẹp của quê hương; - Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương; - Có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống của địa phương;

			- Góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ, năng lực tham gia hoạt động và thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
18	SHL:Giới thiệu lễ hội hoặc phong tục tốt đẹp của quê em.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Sơ kết tuần -Tự tin, hứng thú giới thiệu về truyền thống quê hương. -Tự hào về truyền thống quê hương. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
19	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường SHDC:Giới thiệu di sản thế giới tại Việt Nam.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết được các di sản thế giới tại Việt Nam. - Có thái độ tích cực để bảo tồn các di sản thế giới tại Việt Nam. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá hoạt động 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
20	SHTCD: Khám phá cảnh quan thiên nhiên.	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận biết được một số cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng ở nước ta và địa phương. - Mô tả được vẻ đẹp của một cảnh quan thiên nhiên ở quê hương qua tranh vẽ hoặc bài viết.

			- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với việc khám phá cảnh quan thiên nhiên. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác; 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, yêu nước.
21	SHL: Làm sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Vận dụng các kiến thức khoa học, kĩ thuật, toán học, công nghệ trong việc làm sản phẩm. - Phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo và phát triển kĩ năng kĩ thuật. 2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, kĩ năng lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và điều chỉnh, đánh giá kết quả hoạt động. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
22	SHDC: Triển lãm và giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Trình bày được những việc bản thân đã làm để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. - Giới thiệu được những sản phẩm sáng tạo làm từ vật liệu tái chế được triển lãm ở lớp. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
23	SHTCD: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:

			- Xác định và nêu được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được những việc làm cụ thể đã xác định để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. - Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ động vật quý hiếm. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với sự thay đổi. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, phẩm chất yêu nước
24	SHL: Chung tay giảm thiểu biến đổi khí hậu	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết các nguyên nhân, tác hại của biến đổi khí hậu - Đề ra được biện pháp và có thái độ tích cực để giảm thiểu biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. - Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động; phẩm chất yêu nước và trách nhiệm. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
25	SHDC: Ứng phó với biến đổi khí hậu (T1)	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người. - Xác định được những việc nên làm để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu; - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.

			+ Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề sáng tạo, thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, yêu nước.
26	SHTCD: Kiểm tra giữa kì 2	01	1.Kiến thức: - Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra 2. Năng lực <i>a.Năng lực chung:</i> Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. <i>b.Năng lực riêng:</i> vận dụng làm các bài tập đã học 3. Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
27	SHL: Kiểm tra giữa kì 2	01	
28	SHDC: Chung tay bảo vệ động vật quý hiếm.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Hiểu rõ việc bảo vệ động vật quý hiếm cũng là bảo vệ thiên nhiên và môi trường. - Đề xuất được một số giải pháp bảo vệ động vật quý hiếm. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề. <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá hoạt động; bồi dưỡng phẩm chất yêu nước. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
29	SHTCD: Ứng phó với biến đổi khí hậu (Tiết 2)	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nêu được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người. - Xác định được những việc nên làm để góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i>

			+ Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giải quyết vấn đề sáng tạo, thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm, yêu nước.
30	SHL:Tuyên truyền bảo vệ động vật quý hiếm và giảm thiểu biến đổi khí hậu.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Trình bày được những việc đã làm và cách thức tuyên truyền, vận động mọi người bảo vệ động vật quý hiếm, thực hiện những hành động góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b. Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
31	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp SHDC: Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết được sự đa dạng, phong phú của thế giới nghề nghiệp. - Nhận biết được một số nghề trong thế giới nghề nghiệp qua các đặc điểm, hoạt động đặc trưng của nghề. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề. <i>b. Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
32	SHTCD: Thế giới nghề nghiệp quanh ta.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: -Nêu được tên của các nghề phổ biến trong xã hội và các nghề đang có ở địa phương. -Trình bày được lợi ích, giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với các hoạt động lao động nghề nghiệp. 2. Năng lực: <i>a. Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

			b. Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác định hướng nghề nghiệp. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
33	SHL:Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần -Nêu được tên của các nghề phổ biến trong xã hội và các nghề đang có ở địa phương. -Trình bày được lợi ích, giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với các hoạt động lao động nghề nghiệp. 2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác định hướng nghề nghiệp. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
34	SHDC:Tìm hiểu làng nghề truyền thống.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết được một số nghề truyền thống ở Việt Nam; - Có thái độ tích cực giữ gìn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống; 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
35	SHTCD:Khám phá nghề truyền thống ở nước ta.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Trình bày được những hiểu biết của bản thân về nghề truyền thống.

			- Nêu được nội dung phiếu phỏng vấn và kết quả tìm hiểu một nghề truyền thống qua hoạt động sau giờ học. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
36	SHL: Tìm hiểu về nghề truyền thống.	01	1.Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Trình bày được những hiểu biết của bản thân về nghề truyền thống. - Nêu được nội dung phiếu phỏng vấn và kết quả tìm hiểu một nghề truyền thống qua hoạt động sau giờ học. 2.Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
37	SHDC: Ngày hội Trải nghiệm hướng nghiệp	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Thể hiện được hiểu biết và khả năng của bản thân về hoạt động nghề nghiệp. - Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
38	SHTCD: Trải nghiệm nghề truyền thống (Tiết 1)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Mô tả được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của

			nghề truyền thống ở địa phương. -Nêu được yêu cầu về an toàn khi sử dụng công cụ lao động của nghề truyền thống được tham gia trải nghiệm. - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp; phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ. 2. Năng lực: a. Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
39	SHL:Thu hoạch về Hoạt động trải nghiệm nghề truyền thống.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Trình bày được những thu hoạch sau khi tham gia ngày hội Trải nghiệm hướng nghiệp ở trường. - Hoàn thành được báo cáo thu hoạch trải nghiệm nghề truyền thống. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
40	SHDC:Ngày hội tư vấn hướng nghiệp.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Tìm hiểu được nghề mình yêu thích. - Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề mình yêu thích. - Tích cực học tập bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện các kỹ năng chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp mai sau. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng

			xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
41	SHTCD:Trải nghiệm nghề truyền thống (Tiết 2)	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Trình bày báo cáo thu hoạch - Mở rộng hiểu biết về các nghề truyền thống. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
42	SHL:Phát triển nghề truyền thống ở địa phương.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những điều đã học hỏi, những việc đã tham gia trong ngày hội Tư vấn hướng nghiệp của trường. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
43	Chủ đề 9: Hiểu bản thân, chọn đúng nghề. SHDC:Hiểu bản thân – Chọn đúng nghề.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nêu được ý nghĩa, tầm quan trọng, vị trí của nghề mình yêu thích trong xã hội hiện nay. - Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. - Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề nghiệp mình yêu thích. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

			b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kĩ năng thiết kế tổ chức, đánh giá hoạt động, tự tin, khả năng thuyết trình. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
44	SHTCD: Em với nghề truyền thống.	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Bước đầu xác định được sở thích, khả năng nghề nghiệp của bản thân, làm cơ sở cho việc nhận biết những đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với nghề em yêu thích. - Đánh giá được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của nghề truyền thống. 2. Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
45	SHL:Kế hoạch rèn luyện bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống.	01	1.Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Trình bày được kế hoạch rèn luyện bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống và những việc đã thực hiện được; - Xác định được sản phẩm của nghề truyền thống sẽ làm vào tuần tới. 2.Năng lực: a.Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề b.Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

46	SHDC:Hành trang vì ngày mai lập nghiệp	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề chuẩn bị hành trang cần thiết cho bản thân để ngày mai lập nghiệp. - Biết tìm hiểu thông tin, thực tế nghề nghiệp mình yêu thích để định hướng cho tương lai. - Bước đầu định hướng được nghề nghiệp mình yêu thích. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động, kỹ năng thuyết trình. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
47	SHTCD:Em tập làm nghề truyền thống	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Biết cách làm sản phẩm của một nghề truyền thống. - Đánh giá sự phù hợp giữa năng lực, phẩm chất của bản thân với yêu cầu công việc của một nghề truyền thống cụ thể. - Làm được sản phẩm của nghề truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân. 2. Năng lực: - Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề - Năng lực riêng: + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. + Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp. 3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
48	SHL:Tham gia giới thiệu sản phẩm nghề truyền thống	01	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Sơ kết tuần - Nêu được những điều đã học hỏi và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia diễn đàn “Hành trang vì ngày mai lập nghiệp” ở trường.

			- Giới thiệu và nêu được cảm xúc của bản thân về sản phẩm nghề truyền thống đã làm. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
49	SHDC:Trở tài chế biến món ăn truyền thống	01	1. Kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - củng cố nhận thức về bản thân thông qua việc thực hành chế biến món ăn truyền thống. - Chế biến được một món ăn truyền thống theo sở thích, khả năng của bản thân. -Tự hào về món ăn truyền thống. 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề <i>b.Năng lực riêng:</i> + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. +Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, thiết kế và tổ chức hoạt động, định hướng nghề nghiệp 3.Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.
50	SHTCĐ:Kiểm tra cuối kì II	01	1. Kiến thức: Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra 2. Năng lực: <i>a.Năng lực chung:</i> Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. <i>b.Năng lực riêng:</i> vận dụng làm các bài tập đã học. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
51	SHL: Kiểm tra cuối kì II	01	

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì I	90 phút	Tuần 9	- Kiến thức: Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra - Năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. - Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn	-Viết trên giấy
Cuối học kì I	90 phút	Tuần 18	- Kiến thức: Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra - Năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. - Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn	-Viết trên giấy
Giữa học kì II	90 phút	Tuần 27	- Kiến thức: Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra - Năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. - Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn	Viết trên giấy
Cuối học kì II	90 phút	Tuần 35	- Kiến thức: Biết làm bài kiểm tra và vận dụng các kiến thức đã học vào bài kiểm tra - Năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự học và tự chủ. - Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài chú ý lắng nghe, đọc và làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn	Viết trên giấy

III. Các nội dung khác (Nếu có)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì hằng tháng theo mô hình nghiên cứu bài học.
- Tham gia dạy Bồi dưỡng HSG các môn Lịch sử, Địa lí 8, 9.
- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi môn Lịch sử.

TTCM



Nguyễn Đức Nghiễm

Tam Tiến, ngày 30 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Mai Văn Lực

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP, LỚP 7/2
(Thực hiện theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)
(Năm học 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 1; Số học sinh: 34 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo: Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: 1 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Hộp giấy đựng phiếu trả lời câu hỏi	- 1 hộp	Chủ đề 1: Em với nhà trường - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn	
2	- Máy tính - Máy chiếu - Video, bài hát, câu chuyện nói về sự phát triển của trẻ em lứa tuổi thiếu niên; ca ngợi những đức tính của con người; sở thích, khả năng của con người; ca ngợi những giá trị của con người.	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ	Chủ đề 2: Khám phá bản thân - Hoạt động khởi động	
3	- Máy tính - Máy chiếu - Loa	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: Vượt qua	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	- Bộ tranh/Video về biến đổi khí hậu - Video/ bài hát “Cơn bão miền trung”	- 1 bộ - 1 bộ	khó khăn	
4	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Video clip, tranh, ảnh về cách sắp xếp sách vở, đồ dùng học tập ở góc học tập; nơi sinh hoạt cá nhân - Các đồ vật, hàng hóa dưới dạng mô phỏng hoặc đồ chơi.	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: Rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ. - Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ.	
5	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Tranh, ảnh, video, bài hát về chủ đề gia đình	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 5: Em với gia đình - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm. + Kế hoạch lao động tại gia đình	
6	- Thiết bị phát nhạc - Các bài hát có nội dung về mối quan hệ cộng đồng; các hoạt động thiện nguyện - Câu chuyện về những người được cộng đồng yêu quý. - Câu chuyện, tấm gương về những hoạt động thiện nguyện. - Các hình ảnh về hành vi văn hóa nơi công cộng - Các hình ảnh về truyền thống của địa phương	- 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 6: Em với cộng đồng - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt. + Tham gia hoạt động thiện nguyện	
7	- Máy tính - Máy chiếu - Loa - Video/clip, tranh, ảnh về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam - Các bài hát ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, đất nước. - Tranh, ảnh minh họa về những tác động của biến đổi khí hậu	- 1 cái - 1 cái - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ - 1 bộ	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường - Hoạt động khởi động - Hoạt động khám phá, kết nối: + Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi. + Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	
8	- Hình ảnh minh họa về nghề nghiệp - Bộ thẻ nghề truyền thống - Máy tính	- 1 bộ - 1 bộ - 1 cái	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp - Hoạt động khởi động	

	- Máy chiếu - Loa - Video/clip về nghề truyền thống	- 1 cái - 1 bộ - 1 bộ	- Hoạt động khám phá, kết nối: + Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương.	
9	- Sản phẩm nghề truyền thống	- 1 bộ	Chủ đề 9: Hiểu bản thân, chọn đúng nghề - Hoạt động khởi động Phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề ở địa phương.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học của lớp học	1	Các tiết học chính khóa	Chưa có phòng học bộ môn HDTN
2	Phòng Hội trường	1	Các hoạt động trong chủ đề cần sử dụng đến các thiết bị	
3	Sân trường	1	Các hoạt động trải nghiệm trong chủ đề	

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	(1)	(2)	(3)
HỌC KÌ I			
CHỦ ĐỀ 1: EM VỚI NHÀ TRƯỜNG			
1	Bài 1: Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này HS có khả năng: -Phát triển được mối quan hệ hòa đồng với thầy cô giáo, các bạn và hài lòng về các mối quan hệ này. -Hợp tác với các thầy cô giáo, các bạn để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết được những vấn đề nảy sinh. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. -Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			với giáo viên. Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp.
2	Bài 2: Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn (tt)	1	1.Kiến thức: -Rèn luyện để phát triển mối quan hệ hoà đồng, hợp tác với thầy cô và các bạn. -HS cùng nhau xây dựng được tiêu chí “Lớp học hạnh phúc” và cam kết thực hiện các tiêu chí đã xây dựng. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. -Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp.
3	Bài 3: Tự hào truyền thống trường em	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. -Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. -Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu bạn bè. thầy cô giáo, trường lớp.
CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN			
4	Bài 4: Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi	1	1. Về kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng: - Nhận diện được điểm mạnh , điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống - Rèn luyện kỹ năng tự nhận thức điểm mạnh , điểm hạn chế của bản thân

			- Rèn luyện kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế để khắc phục bản thân. 2. Năng lực * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. - Chỉ ra được những đặc điểm tính cách và biết cách phát huy điểm mạnh, yếu của bản thân. - Nhận diện được khả năng điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực cho bản thân. 3. Phẩm chất -HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái
5	Bài 5: Điểm mạnh, điểm hạn chế của tôi (tt)	1	1. Về kiến thức -HS lập được kế hoạch khắc phục điểm hạn chế để tự hoàn thiện bản thân. -HS thực hiện rèn luyện, tự hoàn thiện bản thân theo kế hoạch đã xây dựng. 2. Năng lực * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. - Chỉ ra được những đặc điểm tính cách và biết cách phát huy điểm mạnh, yếu của bản thân. - Nhận diện được khả năng điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực cho bản thân. 3. Phẩm chất -HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái
6	Bài 6: Kiểm soát cảm xúc của bản thân	1	1. Về kiến thức -Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. -Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân, đặc biệt là kỹ năng giải tỏa những cảm xúc tiêu cực. 2. Năng lực * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng

			tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. - Chỉ ra được những đặc điểm tính cách và biết cách phát huy điểm mạnh, yếu của bản thân. - Nhận diện được khả năng điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực cho bản thân. 3. Phẩm chất -HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái
7	Bài 7: Kiểm soát cảm xúc của bản thân (tt)	1	1. Về kiến thức -HS biết thực hành một số cách giải tỏa cảm xúc tiêu cực và đóng vai thể hiện kỹ năng kiểm soát cảm xúc trong một số tình huống giả định. -HS vận dụng được kỹ năng kiểm soát cảm xúc trong thực tiễn cuộc sống 2. Năng lực * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: - Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. - Chỉ ra được những đặc điểm tính cách và biết cách phát huy điểm mạnh, yếu của bản thân. - Nhận diện được khả năng điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực cho bản thân. 3. Phẩm chất -HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái
CHỦ ĐỀ 3: TRÁCH NHIỆM VỚI BẢN THÂN			
8	Bài 8: Vượt qua khó khăn	1	1. Kiến thức Sau chủ đề này, HS sẽ: -Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể -Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết tự bảo vệ trong các tình huống đó. -Rèn tính kiên trì, không ngại khó, ngại khổ, rèn luyện phẩm chất trách nhiệm. 2. Về năng lực Năng lực chung: -Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. -Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

			Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất Bồi dưỡng tình yêu bạn bè, thầy cô giáo, trường lớp. Có trách nhiệm giữ gìn, bồi đắp tình cảm yêu mến bạn bè, kính trọng thầy cô yêu quý trường lớp.
9	Kiểm tra giữa học kỳ I	1	1. Về kiến thức: - Nội dung kiến thức trong chủ đề 1, 2 . 2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề. 3. Về phẩm chất: - Có ý thức tự giác làm bài một cách trung thực, không quay cóp.
10	Bài 9: Vượt qua khó khăn (tt)	1	1. Kiến thức -HS lập và thực hiện <i>được</i> kế hoạch để vượt qua một khó khăn cụ thể của bản thân. -HS sưu tầm được những tấm gương vượt khó, rút kinh nghiệm cho bản thân và làm theo được những tấm gương đó. 2. Về năng lực Năng lực chung: -Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. -Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất Bồi dưỡng tình yêu bạn bè, thầy cô giáo, trường lớp. Có trách nhiệm giữ gìn, bồi đắp tình cảm yêu mến bạn bè, kính trọng thầy cô yêu quý trường lớp.
11	Bài 10: Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm	1	1. Về kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết tự bảo vệ trong các tình huống đó.

			-Rèn kĩ năng tự bảo vệ, phẩm chất trách nhiệm 2.Về năng lực Năng lực chung: Năng lực chung: tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Phẩm chất: trách nhiệm, trung thực Năng lực riêng: -Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội. 3. Phẩm chất: trách nhiệm, trung thực, nhân ái
12	Bài 11: Tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm (tt)	1	1. Về kiến thức: -HS vận dụng được cách tự bảo vệ trong tình huống nguy hiểm để đưa ra cách xử lí, giải quyết các tình huống nguy hiểm giả định. -HS thể hiện được tư duy phản biện trong quá trình tranh biện về một quan niệm. -HS thiết kế và giới thiệu được các sản phẩm như áp phích, video, tiểu phẩm,... để hướng dẫn cách tự bảo vệ trước các tình huống nguy hiểm. 2.Về năng lực Năng lực chung: Năng lực chung: tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. Phẩm chất: trách nhiệm, trung thực Năng lực riêng: -Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội. 3. Phẩm chất: trách nhiệm, trung thực, nhân ái
CHỦ ĐỀ 4: RÈN LUYỆN BẢN THÂN			
13	Bài 12: Rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.	1	1. Về kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS - Lập và thực hiện được kế hoạch sắp xếp nhà cửa, lớp học ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ. - Hình thành được thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình cũng như ở trường. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề được đặt ra trong các tình huống một cách triệt để, hài hòa. - Phát triển được năng lực hợp tác, tổ chức các hoạt động. 3. Phẩm chất: - Tích cực rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ - Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn trường lớp gọn gàng, sạch đẹp

			HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, biết vượt qua khó khăn để học tập tốt
14	Bài 13: Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ	1	1. Về kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Xác định được những hành động, việc làm thể hiện tính kiên trì, sự chăm chỉ. - Lập và thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập và trong công việc hằng ngày. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo, trách nhiệm. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề được đặt ra trong buổi tọa đàm một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất: - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, biết vượt qua khó khăn để học tập tốt
15	Bài 14: Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ (tt)	1	1. Về kiến thức: - Rèn được kĩ năng lập kế hoạch hoạt động. - HS thực hiện được kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong thực tiễn để rèn luyện các đức tính này trong học tập và trong việc thực hiện các công việc gia đình. 2. Năng lực: * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo, trách nhiệm. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề được đặt ra trong buổi tọa đàm một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất: - Rèn luyện được tính kiên trì, chăm chỉ trong công việc. - HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, biết vượt qua khó khăn để học tập tốt
16	Bài 15: Quản lí chi tiêu.	1	1. Về kiến thức Sau khi tham gia hoạt động này, HS:

			- Bước đầu biết kiểm soát các khoản chi tiêu và tiết kiệm tiền. - Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. 2. Năng lực * Năng lực chung: - Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. * Năng lực riêng: Có khả năng hợp tác giải quyết những vấn đề được đặt ra trong buổi tọa đàm một cách triệt để, hài hòa. 3. Phẩm chất - Trung thực: HS mạnh dạn nói ra các ví dụ về việc quản lí chi tiêu chưa hợp lí - Trách nhiệm: HS có ý thức kiểm soát các khoản chi tiêu và tiết kiệm tiền. HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, biết vượt qua khó khăn để học tập tốt
17	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	1. Về kiến thức: - Kiến thức các chủ đề đã tìm hiểu ở học kỳ 1. 2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các câu hỏi và bài tập cụ thể. 3. Về phẩm chất: - Có ý thức tự giác làm bài nghiêm túc.
CHỦ ĐỀ 5: EM VỚI GIA ĐÌNH			
18	Bài 16: Kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm.	1	1. Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: - Chia sẻ được những kĩ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm. - Xác định được việc nên và không nên làm khi chăm sóc người thân bị mệt, ốm. 2. Năng lực: Năng lực chung: - Tìm được giá trị, ý nghĩa của bản thân đối với gia đình và bạn bè. - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau. - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. - Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác.

			-Tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề. -Thể hiện được kĩ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm. Năng lực riêng: -Rèn luyện kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng lắng nghe tích cực; 3. Phẩm chất: + Nhân ái: Biết yêu thương, đùm bọc mọi người; tôn trọng sự khác biệt; sẵn lòng chăm sóc, giúp đỡ người thân. + Trung thực, trách nhiệm với bản thân và mọi người.
HỌC KỲ 2			
19	Bài 17: Kế hoạch lao động tại gia đình.	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Chia sẻ được kinh nghiệm lao động tại gia đình. -Xây dựng được kế hoạch lao động tại gia đình. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Rèn luyện được kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch; Năng lực riêng: Có khả năng Xây dựng được kế hoạch lao động tại gia đình 3. Phẩm chất: Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
20	Bài 18: Lắng nghe tích cực ý kiến người thân trong gia đình.	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Nhận biết và chia sẻ được những biểu hiện của sự lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. -Xác định được yêu cầu của việc lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Thể hiện được kĩ năng lắng nghe tích cực các thành viên trong gia đình. Năng lực riêng: -Rèn luyện được kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng lắng nghe tích cực; 3. Phẩm chất: Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
CHỦ ĐỀ 6: EM VỚI CỘNG ĐỒNG			
21	Bài 19: Giao tiếp, ứng xử có văn hóa và tôn trọng sự khác biệt.	1	1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: *Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng.

			*Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi kì thị giới tính, dân tộc, địa vị xã hội. * Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và vận động người thân, bạn bè tham gia. * Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình. 2.Năng lực: Năng lực chung: *Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. *Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công công việc phù hợp với năng lực từng thành viên. * Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động, Rút ra được kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc bản thân thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống. 3. Phẩm chất: *Yêu quê hương đất nước, nhân ái, trách nhiệm.
22	Bài 20: Tham gia hoạt động thiện nguyện	1	1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: -Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng. -Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi kì thị giới tính, dân tộc, địa vị xã hội. -Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và vận động người thân, bạn bè tham gia. -Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. -Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công công việc phù hợp với năng lực từng thành viên.

			-Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động, Rút ra được kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. Năng lực riêng: Làm chủ được cảm xúc bản thân thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống. 3. Phẩm chất: -Yêu quê hương đất nước, nhân ái, trách nhiệm
23	Bài 21: Tự hào truyền thống quê hương.	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của quê hương. -Rèn được kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tổ chức hoạt động. -Phát huy được tình yêu quê hương đất nước và tinh thần trách nhiệm. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. -Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công công việc phù hợp với năng lực từng thành viên. -Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động, Rút ra được kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. Năng lực riêng: -Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình. 3. Phẩm chất: -Yêu quê hương đất nước, nhân ái, trách nhiệm.
CHỦ ĐỀ 7: EM VỚI THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
24	Bài 22: Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi..	1	1.Kiến thức: Sau chủ đề này, HS sẽ: -Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết , cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên. -Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.

			-Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên trái đất . -Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải thích được tác dụng của sự đa dạng về thế giới, văn hóa, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. -Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. -Đánh giá được sự hợp lý, chưa hợp lý của kế hoạch hoạt động.Năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ , giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: Biết cách ứng phó với nguy cơ rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội... 3. Phẩm chất: *Yêu quê hương đất nước,nhân ái, trách nhiệm.
25	Bài 23: Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi (tt)	1	1.Kiến thức: -HS thiết kế được các sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên. -Tự giác thực hiện những hành vi, việc làm theo quy định để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. -Vận động, nhắc nhở mọi người cùng thực hiện. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải thích được tác dụng của sự đa dạng về thế giới, văn hóa, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. -Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. -Đánh giá được sự hợp lý, chưa hợp lý của kế hoạch hoạt động.Năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ , giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: Biết cách ứng phó với nguy cơ rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội... 3. Phẩm chất:

			*Yêu quê hương đất nước,nhân ái, trách nhiệm.
26	Bài 24: Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính.	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất. -Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau. -Các phương tiện cần thiết để lập kế hoạch truyền thông và thực hiện chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải thích được tác dụng của sự đa dạng về thế giới, văn hóa, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. -Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. -Đánh giá được sự hợp lý, chưa hợp lý của kế hoạch hoạt động.Năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ , giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: Biết cách ứng phó với nguy cơ rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội... 3. Phẩm chất: -Yêu quê hương đất nước,nhân ái, trách nhiệm.
27	Kiểm tra định kì giữa học kì II.	1	1. Về kiến thức: - Nội dung kiến thức trong chủ đề 6, 7 và 8. Đánh giá năng lực thích ứng với cuộc sống của HS, thể hiện ở các chức năng năng: -Lựa chọn và thực hiện được cách ứng xử thể hiện kỹ năng lắng nghe tích cực người thân trong gia đình. -Lựa chọn và thực hiện được kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hoá và tôn trọng sự khác biệt. -Lựa chọn và thực hiện được cách ứng xử phù hợp để bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương 2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề. 3. Về phẩm chất:

			- Có ý thức tự giác làm bài một cách trung thực, không quay cốp.
28	Bài 25: Bảo vệ môi trường, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính (tiếp).	1	1.Kiến thức: -HS xây dựng được kế hoạch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính. -HS thực hiện được chiến dịch truyền thông theo kế hoạch đã xây dựng. 2.Năng lực: Năng lực chung: -Giải thích được tác dụng của sự đa dạng về thể giới, văn hóa, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. -Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. -Đánh giá được sự hợp lý, chưa hợp lý của kế hoạch hoạt động.Năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ , giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: Biết cách ứng phó với nguy cơ rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội... 3. Phẩm chất: -Yêu quê hương đất nước,nhân ái, trách nhiệm.
CHỦ ĐỀ 8: KHÁM PHÁ THỂ GIỚI NGHỀ NGHIỆP			
29	Bài 26: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương 1	1	1.Kiến thức: Sau khi tham gia hoạt động này, HS: -Nêu được đặc trưng của một số nghề ở địa phương (công việc đặc trưng; trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề; những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương; những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm một số nghề ở địa phương). -Lập và thực hiện được một dự án tìm hiểu đặc trưng của một số nghề' ở địa phương. -Giới thiệu, trình bày được sản phẩm của dự án, trong đó thể hiện được các đặc trưng của nghề cụ thể ở địa phương. 2.Năng lực: * Năng lực chung: -Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; * Năng lực riêng:

			- Chỉ ra được đặc điểm của một số nghề ở địa phương và nhận diện được nguy hiểm, cách giữ an toàn lao động khi làm các nghề ở địa phương. - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của các nghề ở địa phương. - Nhận biết được bản thân phù hợp với nghề nào. 3. Phẩm chất - Nhân ái: HS biết quý trọng một số nghề ở địa phương - Trung thực: HS thể hiện đúng cảm xúc của bản thân khi tìm hiểu về một số nghề ở địa phương, mạnh dạn hợp tác với bạn bè thầy cô để giải quyết các nhiệm vụ chung - Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn một số nghề ở địa phương
30	Bài 27: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương 2	1	1.Kiến thức: -HS khám phá và thể hiện được hiểu biết của bản thân về một số nghề hiện có ở địa phương. -Chia sẻ được đặc trưng của một số nghề hiện có ở địa phương. 2.Năng lực: <i>* Năng lực chung:</i> -Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; <i>* Năng lực riêng:</i> - Chỉ ra được đặc điểm của một số nghề ở địa phương và nhận diện được nguy hiểm, cách giữ an toàn lao động khi làm các nghề ở địa phương. - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của các nghề ở địa phương. - Nhận biết được bản thân phù hợp với nghề nào. 3. Phẩm chất - Nhân ái: HS biết quý trọng một số nghề ở địa phương - Trung thực: HS thể hiện đúng cảm xúc của bản thân khi tìm hiểu về một số nghề ở địa phương, mạnh dạn hợp tác với bạn bè thầy cô để giải quyết các nhiệm vụ chung - Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn một số nghề ở địa phương
31	Bài 28: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương 3	1	1.Kiến thức: -HS nêu được các cách thu thập, tìm kiếm thông tin nghề' khi tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương. -Xây dựng được kế hoạch thực hiện dự án tìm hiểu nghề ở địa phương. 2.Năng lực: <i>* Năng lực chung:</i>

			-Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; * Năng lực riêng: - Chỉ ra được đặc điểm của một số nghề ở địa phương và nhận diện được nguy hiểm, cách giữ an toàn lao động khi làm các nghề ở địa phương. - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của các nghề ở địa phương. - Nhận biết được bản thân phù hợp với nghề nào. 3. Phẩm chất - Nhân ái: HS biết quý trọng một số nghề ở địa phương - Trung thực: HS thể hiện đúng cảm xúc của bản thân khi tìm hiểu về một số nghề ở địa phương, mạnh dạn hợp tác với bạn bè thầy cô để giải quyết các nhiệm vụ chung - Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn một số nghề ở địa phương
32	Bài 29: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương 4	1	1.Kiến thức: -HS thực hiện được nhiệm vụ đã phân công trong kế hoạch dự án tìm hiểu nghề. -HS xử lí, phân loại, phân tích được các dữ liệu, thông tin cần thiết về nghề ở địa phương do các thành viên trong nhóm thu thập được. -Xây dựng được sản phẩm dự án, trong đó thể hiện rõ các đặc trưng của nghề mà nhóm tìm hiểu. -Giới thiệu, trình bày được sản phẩm dự án tìm hiểu nghề ở địa phương. -Đánh giá được kết quả và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện dự án. 2.Năng lực: * Năng lực chung: -Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; * Năng lực riêng: - Chỉ ra được đặc điểm của một số nghề ở địa phương và nhận diện được nguy hiểm, cách giữ an toàn lao động khi làm các nghề ở địa phương. - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của các nghề ở địa phương. - Nhận biết được bản thân phù hợp với nghề nào. 3. Phẩm chất - Nhân ái: HS biết quý trọng một số nghề ở địa phương - Trung thực: HS thể hiện đúng cảm xúc của bản thân khi tìm hiểu về một số nghề ở địa phương, mạnh dạn hợp tác với bạn bè thầy cô để giải quyết các nhiệm vụ chung

			- Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn một số nghề ở địa phương
33	Bài 30: Tìm hiểu một số nghề hiện có ở địa phương 5	1	1.Kiến thức: -Hiểu rõ hơn về đặc trưng của nghề ở địa phương mà HS quan tâm. -Củng cố, mở rộng hiểu biết về nghề ở địa phương. -Rèn kĩ năng tìm hiểu nghề qua trải nghiệm thực tế, tính tự chủ, năng lực nhận thức nghề' nghiệp, phẩm chất trách nhiệm. 2.Năng lực: <i>* Năng lực chung:</i> -Rèn luyện kĩ năng lập kế hoạch, định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác; <i>* Năng lực riêng:</i> - Chỉ ra được đặc điểm của một số nghề ở địa phương và nhận diện được nguy hiểm, cách giữ an toàn lao động khi làm các nghề ở địa phương. - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của các nghề ở địa phương. - Nhận biết được bản thân phù hợp với nghề nào. 3. Phẩm chất - Nhân ái: HS biết quý trọng một số nghề ở địa phương - Trung thực: HS thể hiện đúng cảm xúc của bản thân khi tìm hiểu về một số nghề ở địa phương, mạnh dạn hợp tác với bạn bè thầy cô để giải quyết các nhiệm vụ chung - Trách nhiệm: HS có ý thức xây dựng và giữ gìn một số nghề ở địa phương
CHỦ ĐỀ 9: HIỂU BẢN THÂN, CHỌN ĐÚNG NGHỀ			
34	Kiểm tra cuối học kỳ II	1	1. Về kiến thức: - Kiến thức các chủ đề đã tìm hiểu ở học kỳ 2. 2. Về năng lực: - Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các câu hỏi và bài tập cụ thể. 3. Về phẩm chất: - Có ý thức tự giác làm bài nghiêm túc.
35	Bài 31: Phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề ở địa phương.	1	1.Kiến thức: -Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của một số ngành nghề ở địa phương. -Bước đầu rèn luyện được những phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của nghề. -Rèn kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, năng lực định hướng nghề' nghiệp; phẩm chất trách nhiệm.

			2.Năng lực: Năng lực chung: Hình thành được hứng thú nghề' nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề' nghiệp. Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về' phẩm chất và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích. Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động. Năng lực riêng: -Tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác. 3. Phẩm chất: Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.
--	--	--	--

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
	(1)	(2)	(3)	(4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 09	1. Kiến thức: - Nội dung kiến thức của các chủ đề 1, chủ đề 2 và chủ đề 3. 2. Năng lực: - Quan sát, đọc hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất: - Tích cực, trung thực và trách nhiệm.	Dự án học tập
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	1. Kiến thức: - Nội dung kiến thức đã được học trong HKI. 2. Năng lực: - Quan sát, đọc hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất: - Tích cực, trung thực và trách nhiệm.	Dự án học tập
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	1. Kiến thức:	Dự án học tập

			- Nội dung kiến thức của các chủ đề 6 và chủ đề 7. 2. Năng lực: - Quan sát, đọc hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất: - Tích cực, trung thực và trách nhiệm.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 34	1. Kiến thức: - Nội dung kiến thức đã được học trong HKII. 2. Năng lực: - Quan sát, đọc hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất: - Tích cực, trung thực và trách nhiệm.	Dự án học tập

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Nghiễm

Nguyễn Đức Nghiễm

Tam Tiến, ngày 05 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Văn Lực

TRƯỜNG THCS PHAN BÁ PHIÊN
TỔ: NGŨ VĂN-NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP, LỚP 8
(Thực hiện theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT)
(Năm học 2023 - 2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 3; Số học sinh: 120 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 0; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

I

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi	01	Trình chiếu bài giảng, tranh ảnh, video clip, sản phẩm học tập của HS	
2	Giấy A0, A4		Sản phẩm hoạt động thảo luận nhóm của HS	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

5	Máy tính, SGK, SGV, máy trợ giảng,		Hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	
6	Đồ dùng tự tạo khác (Bộ ảnh trò chơi...)		Hỗ trợ hoạt động nhóm, cá nhân	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm / phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học của lớp học	1	Các tiết học chính khóa	Chưa có phòng học bộ môn HĐTN
2	Phòng Hội trường	1	Các hoạt động trong chủ đề cần sử dụng đến các thiết bị	
3	Sân trường	1	Các hoạt động trải nghiệm trong chủ đề	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

*

STT	Chủ đề /nội dung thực hiện	Số tiết	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 1: Em với nhà trường.	9	Tuần 1,2,3	- Xây dựng được tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn. - Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng tránh bắt nạt học đường.

				- Thực hiện các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. - Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.
2	Chủ đề 2: Khám phá bản thân.	12	Tuần 4,5,6,7	- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. - Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực. - Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân để bảo vệ quan điểm của mình trong một số tình huống.
3	Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân.	15	Tuần 8,9,10,11,12	- Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh. - Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. - Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.
4	Kiểm tra giữa kì I	1	10	Nội dung kiến thức chủ đề 1 và chủ đề 2
4	Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân.	15	Tuần 13,14,15,16, 17	- Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp. - Lập được kế hoạch kinh doanh, chi tiêu của bản thân phù hợp với lứa

				tuổi. - Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và trên mạng xã hội.
	Kiểm tra cuối kì I	1	17	Nội dung kiến thức chủ đề 1 ,2,3,4
5	Chủ đề 5: Em với gia đình.	9	18,19,20	-Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. - Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. - Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. - Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.
6	Chủ đề 6: Em với cộng đồng.	9	21,22,23	-Tham gia các hoạt động giáo dục tuyên truyền và phát triển cộng đồng ở địa phương. Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề.
7	Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường.	15	24,25,26,27, 28	-Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương. - Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. - Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.

				- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp để phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.
	Kiểm tra giữa học kì II.	1	27	Nội dung kiến thức chủ đề 5 ,6
8	Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp.	6	29,30	-Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức đối với người lao động trong xã hội hiện đại.
9	Chủ đề 9: Hiểu bản thân – chọn đúng nghề.	15	31,32,33,34, 35	-Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. - Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. - Nêu được những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại. Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. - Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.

	Kiểm tra học kì II.	1	27	Nội dung kiến thức chủ đề 5 ,6, 7, 8, 9
--	----------------------------	---	----	---

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	- Nêu và thực hiện được những việc nên làm để thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và giữ gìn được tình bạn, tình thầy trò. - Nêu và thực hiện được những việc nên làm để điều chỉnh bản thân phòng tránh bị bắt nạt học đường. - Rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ, thích ứng với cuộc sống, phẩm chất nhân ái, trách nhiệm. - Phát hiện và nêu được sở thích, khả năng của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất trung thực, nhân ái, trách nhiệm.	Dự án học tập

Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Nêu được những việc cần làm để chăm sóc bản thân về mọi mặt: thể chất, tinh thần, dáng vẻ bên ngoài; - Biết cách chăm sóc bản thân và thực hiện được các công việc chăm sóc bản thân; - Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp; - Điều chỉnh được bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; - Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế; - Rèn luyện năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác, thích ứng với cuộc sống; phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.	Dự án học tập
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	- Nêu và thực hiện được những lời nói, hành động thể hiện sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình. - Nêu được những việc nhà em cần chủ động, tự giác thực hiện trong gia đình. Thể hiện được sự chủ động, tự giác làm việc nhà. - Tham gia giải quyết được một số vấn đề trong quan hệ gia đình. - Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh ở địa phương. - Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người; Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.	Dự án học tập

Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Trình bày được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau; - Nêu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam và ở địa phương; - Nêu được các hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống; - Nêu được những phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại; - Rèn luyện năng lực định hướng nghề nghiệp, giao tiếp và hợp tác, lập và thực hiện kế hoạch; phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm. - Đánh giá được kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp, trường và bản thân; - Có kế hoạch học tập và rèn luyện cho năm học tiếp theo.	Dự án học tập
---------------	---------	---------	---	---------------

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thúy Hoanh

Tam Tiến, ngày 26 tháng 09 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Văn Lực